

DANH SÁCH THÍ SINH TRUNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
HỆ CHÍNH QUI, ĐỢT TUYỂN SINH 1, NĂM 2022



(Kèm theo Quyết định số 702/QĐ-ĐHTT ngày 16/9/2022
 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
1	09004255	DƯƠNG THÚY HẰNG	09/02/2004	Nữ	008304000087	1	01	09	05	100	C20	VA	6.25	DI	5	GD	5.25	16.5	2.75	19.25	19.25
2		NGUYỄN THỊ THU	26/10/1999	Nữ	002199004328	1	01	05	02	200	C14	VA	6	TO	6.8	GD	6.7	19.5	2.75	22.25	22.25

(Ấn định danh sách này là: 02 thí sinh)

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUI ĐỢT TUYỂN SINH 1, NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 401 /QĐ-ĐHTT ngày 16 /9/2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
I. NGÀNH: GIÁO DỤC MẦM NON																					
1	09001497	LÊ NGỌC ÁNH	20/08/2004	Nữ	008304007752	1		09	01	100	C20	VA	6	DI	6.5	GD	8.5	21	0.75	21.75	21.75
2	09005214	TRƯƠNG LÊ QUỲNH CHANG	02/02/2004	Nữ	008304002578	1		09	06	100	C19	VA	4.25	SU	7.25	GD	7.5	19	0.75	19.75	19.75
3	15006413	ĐÌNH THỊ CHINH	23/03/2004	Nữ	025304009448	1		15	03	100	C20	VA	8.5	DI	8.25	GD	9	25.75	0.75	26.5	26.5
4	62002302	GIÀNG THỊ CHÍNH	10/07/2003	Nữ	011303002564	1	01	62	05	100	C00	VA	6.75	SU	7	DI	8.25	22	2.75	24.75	24.75
5	05000689	VŨ THỊ DÍNH	19/04/2004	Nữ	002304000660	1	01	05	02	100	C19	VA	6.25	SU	6	GD	7.5	19.75	2.75	22.5	22.5
6	09001535	HOÀNG THỊ HƯƠNG DỊU	21/05/2004	Nữ	008304006649	1		09	01	100	C20	VA	6.75	DI	5.25	GD	8.75	20.75	0.75	21.5	21.5
7	05001808	MÃ THỊ DUNG	28/02/2004	Nữ	002304004013	1	01	05	03	100	C00	VA	3.25	SU	6.5	DI	8.5	18.25	2.75	21	21
8	05004080	HỒ THỊ DUYÊN	20/05/2004	Nữ	002304003911	1	01	05	03	100	C20	VA	6	DI	7.75	GD	8	21.75	2.75	24.5	24.5
9		LÊ THỊ MỸ DUYÊN	21/07/2000	Nữ	008300008010	1		09	05	500	C20	VA	6	DI	6	GD	7.5	19.5	0.75	20.25	20.25
10	12001362	CÙNG THỊ HẠNH	30/08/2004	Nữ	002304007111	1	01	05	02	100	C20	VA	6.5	DI	4.5	GD	6.5	17.5	2.75	20.25	20.25
11	18009195	CHU THỊ BÍCH HẠNH	24/05/2004	Nữ	024304003159	1	01	18	02	100	C20	VA	6	DI	7.25	GD	8.75	22	2.75	24.75	24.75
12	62004004	LƯỜNG THỊ HẠNH	02/01/2004	Nữ	011304000428	1	01	62	10	100	C20	VA	8	DI	6.5	GD	8	22.5	2.75	25.25	25.25
13	09006352	THÁI THÚY HIỀN	10/10/2004	Nữ	008304006773	1		09	07	100	C20	VA	6.25	DI	5.5	GD	6.5	18.25	0.75	19	19
14	09004644	MA THỊ BÍCH HỒNG	08/12/2004	Nữ	008304002845	1	01	09	05	100	C20	VA	6.25	DI	7.5	GD	9.25	23	2.75	25.75	25.75
15	09002850	PHẠM MAI HUỆ	17/12/2004	Nữ	008304001296	1	01	09	04	100	C20	VA	7	DI	6.5	GD	9	22.5	2.75	25.25	25.25
16	14007582	ĐÌNH THỊ HUỆ	22/02/2004	Nữ	014304002319	1	01	14	05	100	C00	VA	6.17	SU	6.75	DI	6	18.92	2.75	21.67	21.67
17	09002579	HOÀNG THU HUYỀN	26/04/2004	Nữ	008304004412	1	01	09	03	100	C20	VA	6.75	DI	4.75	GD	7.5	19	2.75	21.75	21.75
18	09003272	PHÙNG THỊ THU HUYỀN	06/11/2004	Nữ	008304003295	1	01	09	04	100	C19	VA	7.25	SU	7.5	GD	9.25	24	2.75	26.75	26.75
19	06004909	HOÀNG THỊ LỆ	02/01/2004	Nữ	004304003673	1	01	06	06	100	C19	VA	5.5	SU	6	GD	8.5	20	2.75	22.75	22.75
20	09001287	HỒ PHƯƠNG LINH	17/04/2004	Nữ	008304000889	1	01	09	06	100	C19	VA	7.25	SU	9	GD	9.25	25.5	2.75	28.25	28.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
21	14002050	LƯỜNG THỊ NGÀ	09/05/2003	Nữ	014303000393	1	01	14	02	100	C00	VA	6.25	SU	5.25	DI	7.75	19.25	2.75	22	22
22		HOÀNG KIM NGÂN	30/01/2003	Nữ	008303004582	1	01	09	05	500	C19	VA	6.75	SU	5.25	GD	7.75	19.75	2.75	22.5	22.5
23	09004429	LỤC THỊ NHUNG	02/05/2004	Nữ	008304004776	1	01	09	05	100	C19	VA	8.5	SU	7.75	GD	9	25.25	2.75	28	28
24	13007541	HÀNG THỊ PÀNG	03/12/2004	Nữ	015304000234	1	01	13	08	100	C00	VA	5	SU	8.25	DI	7.5	20.75	2.75	23.5	23.5
25	05004189	LỀNG THỊ PHƯƠNG	01/07/2004	Nữ	002304000489	1	01	05	03	100	C19	VA	4.75	SU	5.75	GD	8.5	19	2.75	21.75	21.75
26	14010099	TẠ THỊ MAI PHƯƠNG	04/06/2004	Nữ	014304000446	1		14	10	200	C20	VA	8.1	DI	7.7	GD	9	24.8	0.75	25.55	25.55
27	62001736	TÔNG THỊ QUYÊN	10/08/2004	Nữ	011304002365	1	01	62	03	100	C20	VA	8.25	DI	5.5	GD	8	21.75	2.75	24.5	24.5
28	62001332	LÒ THỊ THANH QUYẾT	07/10/2004	Nữ	011304001539	1	01	62	01	100	C20	VA	7	DI	6.75	GD	7.75	21.5	2.75	24.25	24.25
29		LƯỜNG THỊ QUỲNH	11/07/2003	Nữ	011303000705	1	01	62	03	500	C20	VA	8	DI	7.25	GD	8.75	24	2.75	26.75	26.75
30	62001406	GIÀNG THỊ TÌNH	13/04/2004	Nữ	011304000581	1	01	62	03	100	C19	VA	6	SU	8	GD	8.75	22.75	2.75	25.5	25.5
31	09005157	BÀN NGỌC TUYẾN	12/07/2004	Nữ	008304006738	1	01	09	05	100	C20	VA	6.25	DI	6.25	GD	8.25	20.75	2.75	23.5	23.5
32	05004259	HỒ THỊ TUYẾN	20/08/2004	Nữ	002304006637	1	01	05	03	100	C20	VA	6.25	DI	6.75	GD	6.5	19.5	2.75	22.25	22.25
33	05004554	HOÀNG THỊ TUYẾT	29/09/2004	Nữ	002304005469	1	01	05	10	100	C20	VA	5.75	DI	7.25	GD	8.25	21.25	2.75	24	24
34	05002391	HOÀNG THỊ TUYẾT	10/10/2004	Nữ	002304006351	1	01	05	03	100	C19	VA	8	SU	8.5	GD	8.75	25.25	2.75	28	28
35	05004227	ĐOÀN THỊ THẢO	01/06/2004	Nữ	002304009813	1	01	05	03	100	C20	VA	5.75	DI	6.75	GD	8.75	21.25	2.75	24	24
36	09004521	NÔNG THANH TRÀ	06/11/2004	Nữ	008304000641	1	01	09	05	100	C20	VA	5.75	DI	4.75	GD	7.75	18.25	2.75	21	21
37	09004527	NGUYỄN THỊ THU TRANG	12/10/2004	Nữ	008304004680	1		09	05	100	C20	VA	7.25	DI	7.75	GD	8.25	23.25	0.75	24	24
38	09003789	QUÂN THUỶ TRANG	10/09/2004	Nữ	008304004649	1	01	09	04	100	C20	VA	6.75	DI	8.5	GD	9	24.25	2.75	27	27
39	28007407	LÒ THỊ VÂN	19/09/2004	Nữ	038304015460	1	01	28	06	100	C19	VA	7	SU	5.75	GD	7.5	20.25	2.75	23	23
40	16008354	NGUYỄN THỊ HẢI VÂN	19/04/2004	Nữ	026304010769	2NT		16	05	100	C00	VA	8.75	SU	8.5	DI	8.5	25.75	0.5	26.25	26.25
41	05004272	HOÀNG THÚY VỤ	12/12/2004	Nữ	002304005210	1	01	05	03	100	C19	VA	6.25	SU	7.75	GD	8	22	2.75	24.75	24.75
42	62003046	LÒ XẾ XÓ	20/04/2004	Nữ	011304000938	1	01	62	08	100	C20	VA	6.5	DI	7.75	GD	8.25	22.5	2.75	25.25	25.25
43	09005177	ĐẶNG HẢI YẾN	16/10/2004	Nữ	008304007585	1		09	05	100	C20	VA	7	DI	9.25	GD	9.5	25.75	0.75	26.5	26.5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
II. NGÀNH: GIÁO DỤC TIỂU HỌC																					
1	14007869	BÙI NGỌC ANH	22/09/2004	Nữ	014304001528	1		14	08	100	A00	TO	5.8	LI	7.5	HO	5.25	18.55	0.75	19.3	19.3
2	15009860	CHỤ THỊ QUỲNH ANH	10/09/2004	Nữ	132485610	1		15	09	200	A00	TO	8.3	LI	8.8	HO	8.3	25.4	0.75	26.15	26.15
3	09000005	DƯƠNG THỊ ANH	13/01/2004	Nữ	008304000939	1	01	09	03	100	C00	VA	6.5	SU	7.25	DI	8	21.75	2.75	24.5	24.5
4	09004807	ĐÀO TRẦN LAN ANH	30/06/2004	Nữ	008304006556	1	01	09	05	100	C19	VA	5.5	SU	7.25	GD	8	20.75	2.75	23.5	23.5
5	09005186	ĐỖ LAN ANH	09/10/2004	Nữ	008304000276	1		09	06	200	D01	TO	8.1	VA	7.4	ANH	8.1	23.6	0.75	24.35	24.35
6	09005710	ĐỖ THẢO ANH	22/08/2004	Nữ	008304005334	1	01	09	06	100	C19	VA	7.25	SU	7	GD	9.25	23.5	2.75	26.25	26.25
7	09007800	HÀ THỊ NGỌC ANH	14/11/2004	Nữ	008304001761	1		09	07	100	C19	VA	5.75	SU	6.75	GD	8.25	20.75	0.75	21.5	21.5
8	09004116	LÊ THỊ LAN ANH	22/06/2004	Nữ	008304008107	1	01	09	05	100	C19	VA	6.75	SU	6.5	GD	8.75	22	2.75	24.75	24.75
9	01081543	LÊ THỊ VÂN ANH	15/11/2004	Nữ	001304028912	2		01	25	200	A00	TO	9.1	LI	7.9	HO	8.9	25.9	0.25	26.15	26.15
10	09003653	MA THỊ TÚ ANH	04/01/2004	Nữ	008304008419	1	01	09	04	100	C00	VA	6.25	SU	5.25	DI	7	18.5	2.75	21.25	21.25
11	09003441	MAI THỊ LINH ANH	03/02/2004	Nữ	008304009186	1		09	02	100	C00	VA	7.75	SU	9.5	DI	9	26.25	0.75	27	27
12	01034483	NGUYỄN HUYỀN ANH	28/05/2004	Nữ	001304018991	2		01	11	100	D01	TO	7.6	VA	9	N1	7	23.6	0.25	23.85	23.85
13	09007175	NGUYỄN KIM ANH	11/05/2004	Nữ	008304006789	1	01	09	07	100	A00	TO	8.2	LI	8	HO	8.25	24.45	2.75	27.2	27.2
14	15008829	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	07/05/2004	Nữ	025304006758	1		15	10	100	D01	TO	7.8	VA	8.5	N1	5.8	22.1	0.75	22.85	22.85
15	15000477	NGUYỄN SỸ ĐỨC ANH	27/12/2004	Nam	025204002905	2		15	01	100	C00	VA	6.5	SU	6	DI	8.5	21	0.25	21.25	21.25
16	01083871	NGUYỄN THẢO ANH	18/11/2004	Nữ	001304042594	2		01	26	100	C19	VA	7.5	SU	8.25	GD	8.75	24.5	0.25	24.75	24.75
17	28034252	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	01/11/2004	Nữ	038304020864	2		28	28	100	D01	TO	8	VA	8.25	N1	6	22.25	0.25	22.5	22.5
18	09001498	LƯƠNG ANH ÁNH	29/03/2004	Nữ	008304001721	1		09	01	100	C19	VA	7	SU	5.5	GD	8.5	21	0.75	21.75	21.75
19	16007840	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	23/12/2004	Nữ	026304007341	2NT		16	05	100	C19	VA	9	SU	6.75	GD	7.75	23.5	0.5	24	24
20	09002530	LƯƠNG THỊ TUYẾT BẠCH	05/07/2004	Nữ	008304004930	1	01	09	03	100	C19	VA	6.75	SU	6.25	GD	9.25	22.25	2.75	25	25
21	09005541	BÊ THỊ TAM BẢO	17/05/2004	Nữ	008304002961	1	01	09	06	100	C00	VA	7	SU	7.5	DI	8.5	23	2.75	25.75	25.75
22	09002288	CHÂU PHƯƠNG BẮC	30/06/2004	Nữ	008204001823	1	01	09	02	100	C00	VA	6.5	SU	5.5	DI	6	18	2.75	20.75	20.75

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
23	14004359	ĐINH NGỌC BÍCH	26/02/2004	Nữ	014304004238	1	01	14	05	100	C19	VA	6.5	SU	6.5	GD	9.25	22.25	2.75	25	25
24	09005211	VI THỊ VIỆT BÍCH	06/11/2004	Nữ	008304000259	1		09	06	100	C19	VA	6.5	SU	8.5	GD	9.5	24.5	0.75	25.25	25.25
25	09004850	BÀN VĂN CƯƠNG	16/05/2004	Nam	008204008547	1	01	09	05	100	C19	VA	6.5	SU	4.75	GD	7.75	19	2.75	21.75	21.75
26	01081720	NGUYỄN THỊ THU CHANG	19/12/2003	Nữ	001303046825	2		01	25	100	C19	VA	6	SU	6	GD	7	19	0.25	19.25	19.25
27	09003200	TẠ THỊ MINH CHÂU	07/04/2004	Nữ	008304001346	1	01	09	04	100	C19	VA	7	SU	6.75	GD	9.25	23	2.75	25.75	25.75
28	14008913	LÒ THỊ KIM CHI	18/08/2004	Nữ	014304011712	1	01	14	09	100	C19	VA	5.75	SU	5.25	GD	7.75	18.75	2.75	21.5	21.5
29	09005217	MA THỊ HÀ CHI	01/12/2004	Nữ	008304001903	1	01	09	06	100	C00	VA	6	SU	7	DI	7.5	20.5	2.75	23.25	23.25
30	09004855	BÀN THỊ DÂN	10/12/2004	Nữ	008304009215	1	01	09	05	100	C19	VA	6	SU	7.75	GD	8.75	22.5	2.75	25.25	25.25
31	14008044	LƯỜNG VĂN DÂN	03/04/1997	Nam	014097010271	1	01	14	09	100	C00	VA	4.75	SU	7	DI	5.75	17.5	2.75	20.25	20.25
32	01060729	MA THỊ DIỄN	12/02/2004	Nữ	008304006397	1	01	09	04	100	C00	VA	7.75	SU	9	DI	8.75	25.5	2.75	28.25	28.25
33	16007876	CHU THỊ DIỆP	23/10/2003	Nữ	004303000006	2NT	06	16	05	100	C19	VA	8.25	SU	7.75	GD	9.5	25.5	1.5	27	27
34	14004414	ĐINH THỊ HOÀNG DIỆU	11/10/2004	Nữ	014304005303	1	01	14	05	100	C19	VA	7.25	SU	6.5	GD	8.5	22.25	2.75	25	25
35	14004422	ĐINH THỊ DOÃN	20/06/2004	Nữ	014304004372	1	01	14	05	100	C00	VA	5.83	SU	7	DI	6.25	19.08	2.75	21.83	21.83
36	09001536	NGUYỄN THỊ DUNG	10/01/2004	Nữ	008304001710	1		09	01	100	C19	VA	8	SU	8.25	GD	9.75	26	0.75	26.75	26.75
37	14004434	ĐINH MẠNH DŨNG	09/07/2004	Nam	014204004396	1	01	14	05	100	C19	VA	4.25	SU	6.75	GD	8.25	19.25	2.75	22	22
38	05002471	LÊ TIẾN DŨNG	01/02/2004	Nam	002204001918	1		05	01	100	A00	TO	5.6	LI	7	HO	6.5	19.1	0.75	19.85	19.85
39	09002540	NGUYỄN NGỌC DŨNG	26/02/2004	Nam	008204007775	1	01	09	03	100	C19	VA	6	SU	8.25	GD	9	23.25	2.75	26	26
40	05003321	HOÀNG LÃNG DUY	03/11/2004	Nam	002204001478	1		05	10	100	C00	VA	4.75	SU	6.25	DI	7.25	18.25	0.75	19	19
41	01081876	LÊ THỊ DUYÊN	01/08/2004	Nữ	001304038399	2		01	25	100	C00	VA	7.5	SU	5.75	DI	7.25	20.5	0.25	20.75	20.75
42	16007180	NGUYỄN THỊ MAI DUYÊN	27/12/2004	Nữ	026304009931	2NT		16	05	100	C19	VA	8.5	SU	7.25	GD	9	24.75	0.5	25.25	25.25
43	28013048	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	10/04/2004	Nữ	038304025788	1		28	13	100	C19	VA	8	SU	6.25	GD	8.5	22.75	0.75	23.5	23.5
44	15009898	NGUYỄN THỊ MỸ DUYÊN	01/01/2004	Nữ	025304004106	1		15	09	100	C19	VA	7.25	SU	7.25	GD	7.5	22	0.75	22.75	22.75
45	09001148	KHUẤT THỊ THÙY DƯƠNG	28/11/2004	Nữ	008304004436	1		09	01	100	C00	VA	7	SU	5.75	DI	6.25	19	0.75	19.75	19.75

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
46	09005240	LÝ THỊ THÙY DƯƠNG	09/03/2004	Nữ	008304005234	1		09	06	200	C19	VA	8.1	SU	8	GD	9.7	25.8	0.75	26.55	26.55
47	05000897	HOÀNG XUÂN ĐẠI	22/03/2004	Nam	002204001595	1	01	05	11	100	C19	VA	5.5	SU	6	GD	8	19.5	2.75	22.25	22.25
48	09001559	ĐẶNG NGỌC UYÊN ĐAN	28/12/2004	Nữ	008304001729	1		09	01	100	C19	VA	7	SU	6.25	GD	8	21.25	0.75	22	22
49	09002387	HOÀNG ANH ĐÀO	28/04/2004	Nam	008204006598	1	01	09	03	100	C00	VA	5	SU	8.25	DI	7.5	20.75	2.75	23.5	23.5
50	06000360	MA VĂN ĐÔNG	01/03/2003	Nam	085951762	1	01	06	12	100	A00	TO	7.4	LI	5.5	HO	4.75	17.65	2.75	20.4	20.4
51		BÀN VĂN ĐỨC	26/12/2003	Nam	008203006398	2	01	09	05	500	C00	VA	5.75	SU	5	DI	8.25	19	2.25	21.25	21.25
52	09002551	ĐOÀN THIÊN ĐỨC	18/09/2003	Nam	008203006461	1	01	09	03	100	C00	VA	4.75	SU	7	DI	5.75	17.5	2.75	20.25	20.25
53	09005568	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	13/09/2004	Nam	008204004808	1	01	09	06	100	C19	VA	5.75	SU	8.25	GD	8.75	22.75	2.75	25.5	25.5
54	05004088	TRẦN VĂN ĐỨC	15/03/2004	Nam	002204011037	1	01	05	03	100	C19	VA	3.75	SU	7	GD	8.75	19.5	2.75	22.25	22.25
55	05004089	GIÀNG THỊ GIÀ	16/02/2004	Nữ	002304000374	1	01	05	03	100	C19	VA	4	SU	5.5	GD	8	17.5	2.75	20.25	20.25
56	12005022	HỨA THỊ VÂN GIANG	24/07/2004	Nữ	019304001061	1	01	12	03	100	C19	VA	6.5	SU	5	GD	9	20.5	2.75	23.25	23.25
57	09004237	NGUYỄN HOANG HƯƠNG GIANG	07/10/2004	Nữ	008304007746	1		09	05	100	D01	TO	7.2	VA	7.25	N1	5.4	19.85	0.75	20.6	20.6
58	09004889	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	13/12/2004	Nữ	008304001811	1		09	06	200	C00	VA	7.6	SU	8.3	DI	8.4	24.3	0.75	25.05	25.05
59	16007928	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	02/04/2004	Nữ	026304002471	2NT		16	05	100	C00	VA	7.75	SU	9	DI	7	23.75	0.5	24.25	24.25
60	23002673	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	21/09/2004	Nữ	017304007428	1		23	04	100	C19	VA	8	SU	4.75	GD	8.5	21.25	0.75	22	22
61	09007230	PHẠM THỊ HÀ GIANG	11/09/2004	Nữ	008304005938	1		09	07	100	C19	VA	7.5	SU	7	GD	8.5	23	0.75	23.75	23.75
62	09007715	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	14/02/2004	Nữ	008304002018	1		09	07	100	D01	TO	6.8	VA	7.5	N1	6	20.3	0.75	21.05	21.05
63	09004242	TỬ HƯƠNG GIANG	16/01/2004	Nữ	008304002918	1		09	05	100	D01	TO	8	VA	7.25	N1	5.8	21.05	0.75	21.8	21.8
64	09007232	TRƯƠNG THÚY GIANG	10/01/2004	Nữ	008304005643	1	01	09	06	100	C19	VA	8.5	SU	7.25	GD	8.75	24.5	2.75	27.25	27.25
65	09005270	BÙI THU HÀ	05/04/2004	Nữ	008304000287	1		09	06	100	A00	TO	7.2	LI	4.75	HO	7.75	19.7	0.75	20.45	20.45
66	09003685	ĐẶNG THỊ HÀ	01/09/2004	Nữ	008304006728	1	01	09	04	100	C19	VA	6.25	SU	8.5	GD	9.5	24.25	2.75	27	27
67	09002803	HOÀNG THỊ THU HÀ	15/06/2004	Nữ	008304001206	1		09	04	100	C19	VA	7.25	SU	5.75	GD	8	21	0.75	21.75	21.75
68	62004739	QUẢNG NGỌC HÀ	20/09/2004	Nam	011204001750	1	01	62	03	100	C19	VA	6.25	SU	6.75	GD	8.5	21.5	2.75	24.25	24.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
69	62000168	LÒ DUY HẢI	21/06/2004	Nam	011204006771	1	01	62	03	100	C00	VA	7	SU	5.25	DI	8.25	20.5	2.75	23.25	23.25
70	05001826	NGUYỄN TRUNG HẢI	10/07/2004	Nam	002204000195	1	01	05	04	100	C00	VA	6.5	SU	7.75	DI	6.5	20.75	2.75	23.5	23.5
71	09004251	ĐÀO THỊ HẠNH	04/05/2004	Nữ	008304005686	1	01	09	05	100	C00	VA	7.5	SU	6.5	DI	6.25	20.25	2.75	23	23
72	38000750	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	29/03/2004	Nữ	064304005058	1		38	01	100	D01	TO	7.6	VA	7.5	N1	6.8	21.9	0.75	22.65	22.65
73	09006341	VŨ THỊ HẢO	19/07/2004	Nữ	008304001415	1		09	07	100	C19	VA	7.5	SU	8.75	GD	9.75	26	0.75	26.75	26.75
74	05002211	VƯƠNG THU HẢO	14/09/2004	Nữ	002304005782	1	01	05	10	100	C19	VA	7.5	SU	6.75	GD	8.75	23	2.75	25.75	25.75
75	05000423	HÙNG THÚY HẰNG	11/08/2004	Nữ	002304002419	1	01	05	11	100	C00	VA	5	SU	4.75	DI	7.5	17.25	2.75	20	20
76	18002640	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	13/09/2004	Nữ	024304013385	1	01	18	05	100	C19	VA	7.25	SU	8	GD	8.75	24	2.75	26.75	26.75
77	09001187	HOÀNG THỊ HẬU	27/02/2004	Nữ	008304000777	1	01	09	01	100	C00	VA	7	SU	6.75	DI	7.25	21	2.75	23.75	23.75
78	09002564	NGUYỄN THỊ HOÀI HẬU	13/06/2004	Nữ	008304006689	1	01	09	03	100	C19	VA	7.5	SU	6.5	GD	8.75	22.75	2.75	25.5	25.5
79	09004261	NGUYỄN THỊ HIỀN	28/09/2004	Nữ	008304004863	1		09	05	100	C00	VA	7.25	SU	6.5	DI	7.5	21.25	0.75	22	22
80	09008320	CHÂU THỊ HIỀN	14/12/2004	Nữ	008304007487	1	01	09	02	100	C00	VA	7.75	SU	6.75	DI	8	22.5	2.75	25.25	25.25
81	16003045	ĐÀO THÚY HIỀN	23/05/2004	Nữ	026304005724	2NT		16	04	100	C19	VA	7.5	SU	6	GD	8.75	22.25	0.5	22.75	22.75
82	09000707	LÊ THÚY HIỀN	28/03/2004	Nữ	008304001849	1		09	01	100	A00	TO	7.8	LI	6.5	HO	6.5	20.8	0.75	21.55	21.55
83	09005294	NGUYỄN THỊ HIỀN	27/09/2004	Nữ	008304004433	1		09	06	200	C19	VA	7.2	SU	7.8	GD	9.3	24.3	0.75	25.05	25.05
84	09000063	QUAN THỊ THU HIỀN	24/11/2004	Nữ	008304000921	1	01	09	04	100	C19	VA	7	SU	8.75	GD	9.25	25	2.75	27.75	27.75
85	09006353	TRƯƠNG THỊ THU HIỀN	18/08/2004	Nữ	008304006205	1	01	09	07	100	C19	VA	6.5	SU	7.25	GD	7.5	21.25	2.75	24	24
86	09004270	QUAN TRUNG HIẾU	14/08/2004	Nam	008204002185	1	01	09	05	100	C00	VA	7	SU	8	DI	8.5	23.5	2.75	26.25	26.25
87	23006677	TRẦN TRUNG HIẾU	05/09/2004	Nữ	017304001998	1		23	09	100	C19	VA	7.25	SU	7.25	GD	9	23.5	0.75	24.25	24.25
88	17010625	HOÀNG THỊ HOA	16/12/2004	Nữ	008304001782	1	01	09	06	100	C00	VA	6.17	SU	6	DI	8.25	20.42	2.75	23.17	23.17
89	09003997	MA THỊ HOA	22/06/2004	Nữ	008304002198	1	01	09	04	100	C19	VA	7	SU	5.75	GD	8.75	21.5	2.75	24.25	24.25
90	09002831	NGUYỄN THỊ HOA	20/11/2004	Nữ	008304001547	1		09	04	100	C19	VA	8.5	SU	6.75	GD	8.25	23.5	0.75	24.25	24.25
91	19003472	VŨ THỊ HOA	02/09/2004	Nữ	027304003470	2NT		19	02	100	D01	TO	7.8	VA	7.25	N1	6.6	21.65	0.5	22.15	22.15

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
92	09007933	LÊ PHƯƠNG HÒA	22/03/2004	Nữ	008304002568	1		09	07	100	C19	VA	6.5	SU	5.5	GD	8.5	20.5	0.75	21.25	21.25
93	01058155	LÊ THỊ NGỌC HÒA	02/03/2004	Nữ	001304039952	2		01	17	100	C00	VA	7.75	SU	8	DI	8.75	24.5	0.25	24.75	24.75
94	14010687	LÒ VĂN HÒA	23/11/2004	Nam	014204011861	1	01	14	12	100	C19	VA	5	SU	7	GD	9	21	2.75	23.75	23.75
95	14004489	ĐINH THU HOÀI	07/04/2004	Nữ	014304006610	1	01	14	05	100	C19	VA	6.75	SU	8.5	GD	7.75	23	2.75	25.75	25.75
96	11000077	LÝ PHÚC HOÀI	14/07/2004	Nam	006204000315	1	01	11	08	100	C00	VA	6.25	SU	7.5	DI	7.75	21.5	2.75	24.25	24.25
97		MÃ THỊ THU HOÀI	04/10/2003	Nữ	008303004860	1	01	09	04	200	A00	TO	8.6	LI	7.7	HO	7.6	23.9	2.75	26.65	26.65
98	09004637	NÔNG THỊ HOÀI	13/07/2004	Nữ	008304005303	1	01	09	05	100	C19	VA	7	SU	8.5	GD	7.75	23.25	2.75	26	26
99	09004007	NGUYỄN MAI HUỆ	22/03/2004	Nữ	008304009738	1		09	04	100	A00	TO	7.4	LI	7	HO	6.5	20.9	0.75	21.65	21.65
100	09006941	NGUYỄN THỊ HUỆ	11/10/2004	Nữ	008304002388	1		09	07	100	C19	VA	6.75	SU	6.5	GD	8.5	21.75	0.75	22.5	22.5
101	21003907	TRẦN THỊ THU HUỆ	16/05/2004	Nữ	030304000799	2NT		21	05	100	A00	TO	8.4	LI	7.5	HO	7.75	23.65	0.5	24.15	24.15
102	09007266	MA TUẤN HÙNG	14/10/2004	Nam	008204001662	1	01	09	07	100	C19	VA	4.75	SU	8	GD	8.25	21	2.75	23.75	23.75
103	11002659	NGUYỄN HUY HÙNG	02/03/2004	Nam	006204000587	1		11	03	100	C19	VA	6.75	SU	6.75	GD	8.5	22	0.75	22.75	22.75
104	09002858	LÊ QUỐC HUY	06/04/2004	Nam	008204001207	1		09	04	100	C00	VA	7.5	SU	7	DI	7	21.5	0.75	22.25	22.25
105	06004391	NÔNG QUANG HUY	29/12/2004	Nam	004204001562	1	01	06	04	100	C00	VA	6	SU	5.5	DI	7.75	19.25	2.75	22	22
106	05004618	NGUYỄN QUỐC HUY	27/10/2004	Nam	002204001363	1	01	05	04	100	C19	VA	7.25	SU	5.75	GD	9.25	22.25	2.75	25	25
107	09005606	LƯƠNG THỊ HUYỀN	02/03/2004	Nữ	008304002990	1	01	09	06	100	C19	VA	6.5	SU	8	GD	8.5	23	2.75	25.75	25.75
108	09004658	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	29/10/2004	Nữ	008304006711	1	01	09	05	100	C19	VA	5.25	SU	6.5	GD	8.5	20.25	2.75	23	23
109	09000081	QUAN THỊ NGỌC HUYỀN	16/01/2004	Nữ	008304000915	1	01	09	04	100	C19	VA	8.5	SU	7.75	GD	8.5	24.75	2.75	27.5	27.5
110	09007972	TRẦN THU HUYỀN	18/11/2004	Nữ	008304002813	1		09	07	100	C19	VA	7.25	SU	7.25	GD	9	23.5	0.75	24.25	24.25
111	05001647	HOÀNG THỊ HUYỀN	02/01/2004	Nữ	002304008097	1	01	05	11	100	C19	VA	6.75	SU	6.25	GD	7	20	2.75	22.75	22.75
112	09002878	NGUYỄN DUY HÙNG	29/01/2004	Nam	008204001185	1	01	09	04	100	C19	VA	7.5	SU	5.75	GD	7.5	20.75	2.75	23.5	23.5
113	09002305	PHÚC VIỆT HÙNG	14/07/2003	Nam	008203002566	1	01	09	02	100	C19	VA	5.75	SU	6.5	GD	7.25	19.5	2.75	22.25	22.25
114	15008118	BÙI LAN HƯƠNG	16/04/2004	Nữ	025304013604	2NT	06	15	10	100	D01	TO	7.2	VA	7.75	N1	6.4	21.35	1.5	22.85	22.85

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
115	05002234	CHẢO QUỲNH HƯƠNG	26/03/2004	Nữ	002304009479	1	01	05	04	100	C00	VA	7.75	SU	8.25	DI	8.25	24.25	2.75	27	27
116	09001667	HOÀNG THU HƯƠNG	01/08/2004	Nữ	008304000569	1		09	06	100	D01	TO	6.8	VA	7.5	NI	7.6	21.9	0.75	22.65	22.65
117	09001257	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	13/03/2004	Nữ	008304001646	1		09	01	100	C00	VA	6.5	SU	6.25	DI	7.75	20.5	0.75	21.25	21.25
118	16003180	NGUYỄN THU HƯƠNG	25/06/2004	Nữ	026304001155	2NT		16	04	100	C19	VA	8	SU	7.25	GD	9.25	24.5	0.5	25	25
119	30010876	PHAN THIÊN HƯƠNG	01/09/2004	Nữ	042304003046	2NT		30	18	100	C19	VA	8	SU	7.25	GD	8.5	23.75	0.5	24.25	24.25
120	09004960	ĐẶNG THỊ HƯỜNG	27/12/2004	Nữ	008304007733	1	01	09	05	100	C19	VA	6.75	SU	7.5	GD	8.25	22.5	2.75	25.25	25.25
121	12001477	QUAN THỊ HƯỜNG	07/05/2004	Nữ	008304004449	1	01	09	02	100	C00	VA	8	SU	6.75	DI	6.5	21.25	2.75	24	24
122	09000091	MA DOÃN KẾT	19/01/2004	Nam	008204000786	1	01	09	04	100	A00	TO	8.2	LI	7	HO	7.5	22.7	2.75	25.45	25.45
123	09002309	CHÁU ĐÌNH KIỂM	01/09/2004	Nam	008204001281	1	01	09	02	100	C19	VA	5.5	SU	7	GD	7.5	20	2.75	22.75	22.75
124	09002590	NGUYỄN TRUNG KIẾN	13/12/2004	Nam	008204005900	1	01	09	03	100	C19	VA	2.5	SU	6.5	GD	7.5	16.5	2.75	19.25	19.25
125	14008986	LÒ THỊ KIM	08/01/2004	Nữ	014304004912	1	01	14	09	100	C19	VA	6.75	SU	5	GD	7.25	19	2.75	21.75	21.75
126	62003431	VŨ A KÝ	10/02/2003	Nam	011203002628	1	01	62	04	100	C00	VA	6.25	SU	8.25	DI	7.5	22	2.75	24.75	24.75
127	11002674	ĐÌNH DUY KHẢI	15/07/2003	Nam	006203001864	1	01	11	03	100	C00	VA	7	SU	7	DI	6.5	20.5	2.75	23.25	23.25
128	09001263	HÀ KHANH	06/11/2004	Nam	008204000696	1	01	09	06	100	C19	VA	5	SU	6.5	GD	8.75	20.25	2.75	23	23
129	22003681	VŨ THỊ BẢO KHANH	20/01/2004	Nữ	033304011675	2NT		22	03	100	A00	TO	7.6	LI	7.75	HO	7.75	23.1	0.5	23.6	23.6
130	09003279	LÝ QUỐC KHÁNH	01/04/2004	Nam	008204003068	1	01	09	04	100	C19	VA	6	SU	8	GD	9.25	23.25	2.75	26	26
131	05001137	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	13/06/2004	Nữ	002304001025	1		05	10	100	C00	VA	7.5	SU	5	DI	7.25	19.75	0.75	20.5	20.5
132	09008341	POÔNG CÔNG KHÔI	23/05/2000	Nam	008200000950	1	01	09	02	100	C00	VA	7.25	SU	7.75	DI	7	22	2.75	24.75	24.75
133	09002903	NGÔ HUYỀN LAM	26/03/2004	Nữ	008304001368	1		09	04	100	C19	VA	7	SU	7.25	GD	9	23.25	0.75	24	24
134	18004086	DƯƠNG THỊ LAN	27/10/2003	Nữ	024303009532	1		18	05	100	A00	TO	7.2	LI	6.25	HO	7.75	21.2	0.75	21.95	21.95
135	18009239	ĐOÀN THỊ HƯƠNG LAN	11/04/2004	Nữ	024304009340	1	01	18	02	100	C19	VA	7.25	SU	4.75	GD	8.25	20.25	2.75	23	23
136	21004931	NGUYỄN NGỌC LAN	02/08/2004	Nữ	030304005904	2NT		21	08	200	A00	TO	8.6	LI	8	HO	8.3	24.9	0.5	25.4	25.4
137	09004680	MA QUỐC LÂM	07/01/2003	Nam	008203004128	1	01	09	05	100	C00	VA	7.5	SU	10	DI	8.25	25.75	2.75	28.5	28.5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
138	09001282	NGUYỄN HẢI LÊ	20/01/2004	Nữ	008304000875	1	01	09	06	100	C00	VA	7.5	SU	8.5	DI	8.25	24.25	2.75	27	27
139	01055585	TRIỆU THỊ LÊ	02/08/2004	Nữ	006304003351	1	01	11	06	100	C19	VA	7.75	SU	7	GD	7.75	22.5	2.75	25.25	25.25
140	09006981	DƯƠNG THỊ MỸ LÊ	16/06/2004	Nữ	008304002380	1		09	07	100	A00	TO	7.2	LI	7.25	HO	8	22.45	0.75	23.2	23.2
141	05004637	LỤC THỊ LÊ	17/10/2004	Nữ	002304006997	1	01	05	04	100	C19	VA	6	SU	7.75	GD	8.25	22	2.75	24.75	24.75
142	09002596	NGUYỄN THỊ LÊ	10/09/2004	Nữ	008304008768	1	01	09	03	100	C19	VA	6.75	SU	7.5	GD	8.5	22.75	2.75	25.5	25.5
143	09002913	TRẦN MỸ LÊ	02/10/2004	Nữ	026304005025	1		09	04	100	C19	VA	8.5	SU	7.5	GD	9	25	0.75	25.75	25.75
144	09002437	BÊ THỦY LINH	05/10/2004	Nữ	008304006036	1	01	09	03	100	C19	VA	7.5	SU	5.5	GD	7.75	20.75	2.75	23.5	23.5
145	25018323	ĐÀO THỊ KHÁNH LINH	15/10/2004	Nữ	036304014532	2NT		25	07	100	C19	VA	7.5	SU	6.75	GD	8.5	22.75	0.5	23.25	23.25
146	01059128	ĐINH DIỆU LINH	03/07/2004	Nữ	001304036130	2		01	17	200	C00	VA	8	SU	8.5	DI	8	24.5	0.25	24.75	24.75
147	09006482	ĐỖ THỊ PHƯƠNG LINH	02/01/2004	Nữ	008304008424	1		09	07	100	C19	VA	6.5	SU	6	GD	8.25	20.75	0.75	21.5	21.5
148	09005804	ĐỒNG KHÁNH LINH	17/12/2004	Nữ	008304008630	1		09	06	100	C00	VA	8.5	SU	7.5	DI	8	24	0.75	24.75	24.75
149	09002919	HOÀNG DIỆU LINH	10/11/2004	Nữ	008304001492	1	01	09	04	100	D01	TO	5.4	VA	7.25	N1	7.2	19.85	2.75	22.6	22.6
150	14005618	LÒ THỊ KHÁNH LINH	10/12/2004	Nữ	014304012148	1		14	06	100	C00	VA	7.25	SU	7	DI	7.75	22	0.75	22.75	22.75
151	09002597	NGUYỄN HOÀNG LINH	19/05/2004	Nữ	008304008857	1	01	09	03	100	C19	VA	7	SU	6	GD	7.75	20.75	2.75	23.5	23.5
152	14003767	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	08/04/2004	Nữ	014304003503	1		14	04	100	C19	VA	7.5	SU	8.75	GD	9.75	26	0.75	26.75	26.75
153	09004997	NGUYỄN THỊ LINH	01/10/2004	Nữ	008304006585	1		09	06	200	A00	TO	8.2	LI	7.8	HO	8	24	0.75	24.75	24.75
154	09004998	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	11/01/2004	Nữ	008304006948	1		09	05	100	C19	VA	8	SU	9.25	GD	9.5	26.75	0.75	27.5	27.5
155	15006968	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	02/08/2004	Nữ	025304011497	1		15	05	100	D01	TO	8.6	VA	7.25	N1	5.2	21.05	0.75	21.8	21.8
156	09005359	NGUYỄN THUỖ LINH	07/12/2003	Nữ	008303003953	1		09	06	100	C19	VA	5.25	SU	6.75	GD	7.5	19.5	0.75	20.25	20.25
157	01082985	NGUYỄN VŨ THỦY LINH	29/09/2004	Nữ	001304029046	2		01	25	100	C00	VA	8.5	SU	6.75	DI	8.5	23.75	0.25	24	24
158	23002759	PHẠM KHÁNH LINH	14/04/2004	Nữ	017304000918	1		23	04	100	C00	VA	6.5	SU	7	DI	8.5	22	0.75	22.75	22.75
159	09002317	QUAN DIỆU LINH	06/02/2004	Nữ	002304000360	1	01	05	04	100	A00	TO	7.2	LI	5.75	HO	5.75	18.7	2.75	21.45	21.45
160	05005775	THÈN THỊ HOÀI LINH	05/04/2004	Nữ	002304000458	1	01	05	09	100	C19	VA	6.75	SU	5.25	GD	6.25	18.25	2.75	21	21

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
161	09004364	TRẦN THỊ NGỌC LINH	26/12/2004	Nữ	008304001927	1		09	05	100	D01	TO	7.6	VA	8	N1	5.8	21.4	0.75	22.15	22.15
162	09007304	LƯƠNG THỊ LOAN	25/12/2004	Nữ	008304008494	1	01	09	07	100	D01	TO	6.8	VA	8.5	N1	7.8	23.1	2.75	25.85	25.85
163	09003540	MA THỊ LOÀN	30/01/2004	Nữ	008304001394	1	01	09	02	100	C19	VA	6.75	SU	7.5	GD	8.75	23	2.75	25.75	25.75
164	14000857	ĐẶNG PHI LONG	13/07/2004	Nam	014204011177	1		14	07	100	C00	VA	6.75	SU	9.5	DI	5.75	22	0.75	22.75	22.75
165	09008041	NGUYỄN THẮNG LỢI	06/06/2004	Nam	008204008083	1	07	09	07	100	C00	VA	5.75	SU	9.25	DI	7	22	1.75	23.75	23.75
166	09006512	BÙI KHÁNH LY	25/10/2004	Nữ	008304005273	1		09	07	100	C19	VA	7.5	SU	9.25	GD	9.25	26	0.75	26.75	26.75
167	01039479	HOÀNG KHÁNH LY	25/04/2004	Nữ	001304021955	2		01	09	100	D01	TO	7.2	VA	7.5	N1	6.4	21.1	0.25	21.35	21.35
168	09002447	LƯƠNG DIỆU LY	03/08/2004	Nữ	008304008328	1		09	03	100	C19	VA	6.25	SU	5.5	GD	7	18.75	0.75	19.5	19.5
169	01089221	NGUYỄN THỊ LY	27/01/2003	Nữ	001303042497	2		01	28	100	D01	TO	6.8	VA	6.5	N1	6.4	19.7	0.25	19.95	19.95
170	01072661	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	24/09/2004	Nữ	001304022638	2		01	21	100	C19	VA	7.5	SU	5.25	GD	7.25	20	0.25	20.25	20.25
171	09003546	PHÙNG TRÚC QUỲNH MAI	28/03/2004	Nữ	008304002780	1	01	09	02	100	C00	VA	6.5	SU	7.5	DI	7.25	21.25	2.75	24	24
172	11002694	ĐINH NHƯ MẠNH	11/01/2004	Nam	006204000645	1	01	11	03	100	C19	VA	5.25	SU	6.5	GD	8	19.75	2.75	22.5	22.5
173	05003076	HOÀNG ĐÀO MẶN	13/10/2004	Nam	002204002573	1	01	05	11	100	C00	VA	5.5	SU	7	DI	8.25	20.75	2.75	23.5	23.5
174	09007317	TRIỆU THỊ MẾN	08/02/2004	Nữ	008304008303	1	01	09	07	100	C00	VA	7	SU	6.25	DI	7.75	21	2.75	23.75	23.75
175	09002608	NÔNG VĂN MINH	26/03/2004	Nam	008204002771	1	01	09	03	100	C19	VA	5.5	SU	6.5	GD	8.75	20.75	2.75	23.5	23.5
176	09005633	TRIỆU TUẤN MINH	07/10/2004	Nam	008204008800	1	01	09	06	100	C00	VA	5.75	SU	5.5	DI	5	16.25	2.75	19	19
177		HOÀNG THỊ MÙI	04/10/2003	Nữ	002303003517	1	01	05	09	200	C00	VA	8.5	SU	8.5	DI	8	25	2.75	27.75	27.75
178	14010888	MÙI VĂN MỪNG	16/01/2004	Nam	014204001451	1	01	14	12	100	C19	VA	5	SU	8.75	GD	9.25	23	2.75	25.75	25.75
179	09008363	QUAN THỊ THU MỪNG	02/09/2004	Nữ	008304007370	1	01	09	02	100	C00	VA	7	SU	7.25	DI	7.25	21.5	2.75	24.25	24.25
180	09006540	DƯƠNG TRÀ MY	15/11/2004	Nữ	008304004606	1	01	09	07	100	C19	VA	5.5	SU	5	GD	6.5	17	2.75	19.75	19.75
181	09005831	NGUYỄN TRÀ MY	14/08/2004	Nữ	008304006369	1	01	09	06	100	C19	VA	5.5	SU	7.5	GD	9.25	22.25	2.75	25	25
182	09004041	VŨ THỊ MY	15/06/2004	Nữ	008304008434	1		09	04	100	C19	VA	6.75	SU	6	GD	8.75	21.5	0.75	22.25	22.25
183	09002320	HÒA THỊ MỸ NA	17/12/2004	Nữ	008304001765	1	01	09	02	100	C19	VA	6.75	SU	6.75	GD	9	22.5	2.75	25.25	25.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
184	01062262	HOÀNG THỊ NGỌC NA	11/02/2004	Nữ	006304003771	1	01	11	08	100	C19	VA	7.75	SU	5	GD	7	19.75	2.75	22.5	22.5
185	28033811	LÊ THỊ PHƯƠNG NAM	25/09/2004	Nữ	038304011914	1		28	28	100	C19	VA	8	SU	4	GD	7.25	19.25	0.75	20	20
186	09002463	NGUYỄN VĂN NAM	02/01/2004	Nam	008204007802	1		09	06	100	C00	VA	8.75	SU	8.25	DI	8	25	0.75	25.75	25.75
187	09005639	TRIỀU NGỌC NAM	14/02/2004	Nam	008204002784	1	01	09	06	100	C19	VA	6.75	SU	7	GD	9.5	23.25	2.75	26	26
188	62002890	SÙNG MỸ NÒ	19/05/2004	Nữ	011304001039	1	01	62	08	100	D01	TO	5.4	VA	6.25	N1	4.6	16.25	2.75	19	19
189	09002328	QUAN THỊ NỤ	21/11/2004	Nữ	008304001626	1	01	09	02	100	C19	VA	7.5	SU	9	GD	9.5	26	2.75	28.75	28.75
190	09004708	HOÀNG THỊ THANH NGÀ	29/09/2004	Nữ	008304007402	1	01	09	05	100	A00	TO	7.8	LI	8	HO	6	21.8	2.75	24.55	24.55
191	09002322	LỘC THỊ HẰNG NGÀ	12/09/2004	Nữ	008304001739	1	01	09	02	100	C19	VA	5.25	SU	6	GD	8.5	19.75	2.75	22.5	22.5
192	09005640	NGÔ THỊ NGÀ	10/04/2004	Nữ	008304005209	1	01	09	06	100	C19	VA	7	SU	7.5	GD	8.75	23.25	2.75	26	26
193	09008365	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGÀ	11/07/2004	Nữ	008304005271	1		09	02	100	C00	VA	7.25	SU	8.25	DI	7.25	22.75	0.75	23.5	23.5
194	05000751	VŨ THỊ THU NGÀ	29/04/2003	Nữ	002303006187	1	01	05	02	100	A00	TO	7.4	LI	7.25	HO	6.25	20.9	2.75	23.65	23.65
195	14008751	CÀ THỊ NGÂN	03/09/2004	Nữ	014304002704	1	01	14	09	100	C19	VA	6	SU	8	GD	9.25	23.25	2.75	26	26
196	09007568	ĐẶNG QUỲNH NGÂN	21/06/2004	Nữ	008304008387	1		09	07	100	C19	VA	7.25	SU	8.5	GD	8.75	24.5	0.75	25.25	25.25
197	14004590	LÒ THÚY NGÂN	21/03/2004	Nữ	014304008223	1	01	14	05	100	C00	VA	6.75	SU	6.75	DI	6.75	20.25	2.75	23	23
198	06004452	NÔNG THỊ KIM NGÂN	16/03/2004	Nữ	004304004841	1	01	06	04	100	C19	VA	8.5	SU	8	GD	8.75	25.25	2.75	28	28
199	09002177	TRẦN THANH NGÂN	04/01/2004	Nữ	008304003160	1	01	09	06	100	C19	VA	7	SU	7.25	GD	8.25	22.5	2.75	25.25	25.25
200	09007036	TRẦN THỊ HỒNG NGÂN	12/08/2004	Nữ	008304002327	1		09	07	100	C19	VA	7.5	SU	8	GD	9	24.5	0.75	25.25	25.25
201	09004413	HOÀNG BẢO NGỌC	06/11/2004	Nam	008204008173	1	01	09	05	100	C19	VA	6	SU	5.25	GD	8.5	19.75	2.75	22.5	22.5
202	09007041	HOÀNG BÍCH NGỌC	13/12/2004	Nữ	008304005022	1	01	09	07	100	C19	VA	7	SU	7.75	GD	8.75	23.5	2.75	26.25	26.25
203	09004043	HOÀNG THỊ THANH NGỌC	20/10/2004	Nữ	008304005944	1	01	09	06	100	C19	VA	6	SU	7	GD	9	22	2.75	24.75	24.75
204	18009806	NGÔ THỊ BẢO NGỌC	31/08/2004	Nữ	024304006710	1		18	09	100	C19	VA	9	SU	6.25	GD	7.5	22.75	0.75	23.5	23.5
205	22012045	VŨ BÍCH NGỌC	24/11/2004	Nữ	033304001767	2NT		22	10	100	C19	VA	7.75	SU	7.5	GD	9.25	24.5	0.5	25	25
206	18004234	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN	06/04/2001	Nam	024201012732	1		18	05	100	A00	TO	8.2	LI	7.5	HO	7.5	23.2	0.75	23.95	23.95

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
207	05001883	NGUYỄN LƯU NGUYỄN	30/06/2004	Nam	002204000206	1	01	05	04	100	C19	VA	5.5	SU	5.75	GD	7.75	19	2.75	21.75	21.75
208	05002305	TRẮNG KIM NGUYỄN	01/11/2004	Nữ	002304006406	1	01	05	02	100	C19	VA	5.75	SU	7.5	GD	9.75	23	2.75	25.75	25.75
209	09001343	BÙI THỊ MINH NGUYỆT	05/01/2004	Nữ	008304000791	1		09	01	200	C19	VA	6.8	SU	7.9	GD	9	23.7	0.75	24.45	24.45
210	05002067	LÙ THỊ THU NGUYỆT	02/09/2004	Nữ	002304008565	1	01	05	08	100	C19	VA	8.5	SU	8	GD	9	25.5	2.75	28.25	28.25
211	05000982	LÝ THỊ MINH NGUYỆT	06/11/2004	Nữ	002304001419	1	01	05	11	100	C00	VA	5.75	SU	5.25	DI	7.75	18.75	2.75	21.5	21.5
212	09005416	NÔNG ÁNH NGUYỆT	10/08/2004	Nữ	008304001905	1	01	09	06	100	C19	VA	6.25	SU	5.25	GD	6.75	18.25	2.75	21	21
213	14002693	QUẢNG THỊ MINH NGUYỆT	28/10/2004	Nữ	014304003198	1	01	14	03	100	C19	VA	5.5	SU	4.75	GD	8.75	19	2.75	21.75	21.75
214	09005420	ĐẶNG THỊ BÍCH NHẬT	08/10/2004	Nữ	008304000262	1	01	09	06	100	C19	VA	7	SU	6.5	GD	7.75	21.25	2.75	24	24
215	09002626	NÔNG YẾN NHI	20/11/2004	Nữ	008304007070	1	01	09	03	100	C19	VA	5.25	SU	6.25	GD	8.25	19.75	2.75	22.5	22.5
216	09006572	NGUYỄN HÀ NHI	02/07/2004	Nữ	008304000252	1	01	09	07	100	C19	VA	6.75	SU	6.5	GD	8.75	22	2.75	24.75	24.75
217	01081125	NGUYỄN THỊ LINH NHI	06/12/2004	Nữ	001304016143	2		01	24	100	C19	VA	8	SU	6.25	GD	9	23.25	0.25	23.5	23.5
218	15015663	TRẦN NGỌC NHI	03/06/2004	Nữ	025304009162	1	01	15	07	100	A00	TỎ	7.4	LI	5.5	HO	7.5	20.4	2.75	23.15	23.15
219	09008369	LÒ MẠNH NHỎ	22/02/2004	Nam	008204007998	1	01	09	02	100	C00	VA	6	SU	8.5	DI	6.5	21	2.75	23.75	23.75
220	28035843	BÙI THỊ NHUNG	24/11/2004	Nữ	038304017547	2		28	28	100	A00	TO	7.8	LI	6.75	HO	6.5	21.05	0.25	21.3	21.3
221	15006565	ĐINH THỊ HỒNG NHUNG	13/03/2004	Nữ	025304006101	1		15	03	100	C00	VA	7.5	SU	8	DI	8	23.5	0.75	24.25	24.25
222	09002629	NGÔ THỊ HỒNG NHUNG	10/01/2004	Nữ	008304004920	1	01	09	03	100	C19	VA	6.75	SU	8.25	GD	8.5	23.5	2.75	26.25	26.25
223	09007052	NGUYỄN THỊ NHUNG	12/11/2004	Nữ	008304002221	1		09	07	100	C00	VA	6.25	SU	6.75	DI	6.5	19.5	0.75	20.25	20.25
224	09002191	VŨ THỊ HỒNG NHUNG	15/08/2004	Nữ	008304005762	1		09	06	100	C19	VA	6.5	SU	8.25	GD	9	23.75	0.75	24.5	24.5
225	01073283	ĐỖ KIỀU OANH	19/11/2004	Nữ	001304033154	2		01	20	100	C19	VA	7.75	SU	7.5	GD	9	24.25	0.25	24.5	24.5
226	05002319	THÈN THỊ KIM OANH	14/08/2004	Nữ	002304009948	1	01	05	04	100	C19	VA	5	SU	6.25	GD	8.75	20	2.75	22.75	22.75
227	09008376	TRIỆU DUY PHONG	24/02/2004	Nam	008204002258	1	01	09	02	100	C00	VA	7.25	SU	8.5	DI	6.5	22.25	2.75	25	25
228	09005433	BÀN THỊ PHƯƠNG	12/05/2004	Nữ	008304006479	1	01	09	06	100	C00	VA	6.5	SU	6.5	DI	7.25	20.25	2.75	23	23
229	01083534	ĐẶNG HÀ PHƯƠNG	06/08/2004	Nữ	001304029222	2		01	25	200	C00	VA	7	SU	8.7	DI	9.4	25.1	0.25	25.35	25.35

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
230	05004190	LIỀNG THỊ PHƯƠNG	01/04/2004	Nữ	002304009186	1	01	05	03	100	C00	VA	5.5	SU	5.25	DI	6.25	17	2.75	19.75	19.75
231	09008130	MAI THU PHƯƠNG	29/12/2004	Nữ	008304002556	1	01	09	07	100	C00	VA	8.25	SU	9.75	DI	8.25	26.25	2.75	29	29
232	09008131	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	07/10/2004	Nữ	008304008726	1		09	07	100	C00	VA	8.5	SU	8.5	DI	8.25	25.25	0.75	26	26
233	29020899	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	25/09/2004	Nữ	040304028702	1		29	07	100	A00	TO	7.6	LI	7	HO	6	20.6	0.75	21.35	21.35
234	09007060	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	28/12/2003	Nữ	008303004115	1		09	07	100	C19	VA	7.5	SU	7.5	GD	9.5	24.5	0.75	25.25	25.25
235	14009689	TRẦN PHẠM MAI PHƯƠNG	20/09/2004	Nữ	014304003426	1		14	08	100	C00	VA	8.25	SU	8.5	DI	6.75	23.5	0.75	24.25	24.25
236	15005887	VŨ THU PHƯƠNG	16/10/2004	Nữ	025304010846	1		15	03	100	D01	TO	7.8	VA	7	N1	5.8	20.6	0.75	21.35	21.35
237	09004728	LƯƠNG DUY QUANG	20/06/2004	Nam	008204008623	1		09	05	100	C19	VA	5.5	SU	6.75	GD	9	21.25	0.75	22	22
238	09003025	HOÀNG THỊ THANH QUYÊN	09/06/2004	Nữ	008304001259	1	01	09	04	100	C00	VA	8	SU	6.75	DI	8.5	23.25	2.75	26	26
239	09005443	LƯƠNG THẢO QUYÊN	14/03/2004	Nữ	008304000263	1		09	06	100	C19	VA	6.25	SU	6.25	GD	8.25	20.75	0.75	21.5	21.5
240	09003027	TRẦN LỆ QUYÊN	13/09/2004	Nữ	008304001546	1		09	04	100	C19	VA	8.25	SU	7.5	GD	7.25	23	0.75	23.75	23.75
241	09005870	ĐẶNG NHƯ QUỲNH	10/06/2004	Nữ	008304008890	1	01	09	06	100	C19	VA	7.5	SU	8.25	GD	9	24.75	2.75	27.5	27.5
242	13001767	HOÀNG THỊ QUỲNH	10/10/2004	Nữ	015304001270	1	01	13	06	100	C19	VA	7.25	SU	7.5	GD	8.75	23.5	2.75	26.25	26.25
243	05004672	HOÀNG THỊ QUỲNH	11/06/2004	Nữ	002304008933	1	01	05	04	100	C19	VA	5.25	SU	6	GD	7.5	18.75	2.75	21.5	21.5
244	14007936	HOÀNG THỊ QUỲNH	06/06/2004	Nữ	014304008477	1		14	08	100	C00	VA	6.75	SU	8.25	DI	6.75	21.75	0.75	22.5	22.5
245	09003759	LÝ NHƯ QUỲNH	04/08/2004	Nữ	008304002395	1	01	09	04	100	C19	VA	7.5	SU	6.5	GD	8.5	22.5	2.75	25.25	25.25
246	09003043	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	22/09/2004	Nữ	008304001510	1		09	04	100	C19	VA	8.5	SU	6.5	GD	8.75	23.75	0.75	24.5	24.5
247	14010110	TRẦN THỊ NHƯ QUỲNH	01/07/2003	Nữ	034303017238	1		14	10	100	C00	VA	6.5	SU	7.75	DI	8.5	22.75	0.75	23.5	23.5
248	09004741	BÀN THỊ SÂM	18/07/2004	Nữ	008304006303	1	01	09	05	100	C00	VA	7.5	SU	8.75	DI	8.25	24.5	2.75	27.25	27.25
249	17010418	PHÙNG THỊ SIÊN	18/08/2004	Nữ	008304008656	1	01	09	03	200	C00	VA	8	SU	8.8	DI	8	24.8	2.75	27.55	27.55
250	14003405	LÒ VĂN SƠN	11/06/2002	Nam	014202010160	1	01	14	04	100	C00	VA	7	SU	8.25	DI	7	22.25	2.75	25	25
251	14009086	LÒ VĂN SƠN	20/11/2004	Nam	014204011792	1	01	14	09	100	C19	VA	5.25	SU	7.25	GD	9.25	21.75	2.75	24.5	24.5
252	09002335	CHÂU THỊ TÂM	17/03/2004	Nữ	008304008659	1	01	09	02	100	C19	VA	8.5	SU	7.25	GD	8.75	24.5	2.75	27.25	27.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
253	09001863	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	23/05/2004	Nữ	008304002738	1	01	09	01	100	C00	VA	7.25	SU	7.5	DI	7.75	22.5	2.75	25.25	25.25
254	09000970	PHẠM TRIỆU THANH TÂM	19/09/2004	Nữ	008304006902	1		09	01	100	C00	VA	7.25	SU	7.25	DI	7.25	21.75	0.75	22.5	22.5
255	09007083	PHẠM THỊ TÂM	22/10/2004	Nữ	025304008510	1		15	03	100	C19	VA	5.5	SU	7.5	GD	8	21	0.75	21.75	21.75
256	09003618	HOÀNG MINH TIẾN	27/05/2004	Nam	008204006880	1	01	09	02	100	C19	VA	5.75	SU	7.75	GD	9.5	23	2.75	25.75	25.75
257	09003621	MA THỊ THANH TOAN	03/06/2004	Nữ	008304002313	1	01	09	02	100	C19	VA	6.5	SU	7	GD	8.5	22	2.75	24.75	24.75
258	09000189	HOÀNG THỊ TỐC	30/03/2004	Nữ	008304001018	1	01	09	03	100	C00	VA	8.25	SU	8	DI	8.75	25	2.75	27.75	27.75
259	12001851	PHẠM ANH TÚ	08/05/2004	Nam	008204004128	1	01	09	03	100	A00	TO	7.6	LI	5.75	HO	7	20.35	2.75	23.1	23.1
260	14004742	ĐINH ANH TUẤN	27/06/2004	Nam	014204004441	1	01	14	05	100	C19	VA	5	SU	3.5	GD	8	16.5	2.75	19.25	19.25
261	09004787	MA THỊ HỒNG TƯƠI	24/06/2004	Nữ	008304002841	1	01	09	05	100	C19	VA	7.25	SU	7	GD	8.5	22.75	2.75	25.5	25.5
262		NÔNG HỒNG THÁI	09/09/1990	Nam	008090001909	1		09	01	500	C00	VA	5	SU	8	DI	5	18	2.75	20.75	20.75
263	09002337	CHÂU VĂN THÀNH	10/07/2004	Nam	008204001421	1	01	09	02	100	C19	VA	6.75	SU	7.5	GD	8.5	22.75	2.75	25.5	25.5
264	09004067	ĐỖ TÁT THÀNH	17/04/2004	Nam	008204008693	1	01	09	04	100	C00	VA	7.25	SU	8.5	DI	8.25	24	2.75	26.75	26.75
265	09003766	MA VĂN THÀNH	03/04/2004	Nam	008204007417	1	01	09	04	100	C00	VA	7.5	SU	8.5	DI	9	25	2.75	27.75	27.75
266	14004684	SÔNG A THÀNH	15/05/2004	Nam	014204005442	1	01	14	05	100	C19	VA	5.5	SU	7	GD	9.5	22	2.75	24.75	24.75
267	09000174	HOÀNG PHƯƠNG THẢO	17/02/2004	Nữ	008304000914	1	01	09	04	100	C00	VA	6.5	SU	9.25	DI	7.75	23.5	2.75	26.25	26.25
268	14008445	HOÀNG THU THẢO	28/11/2004	Nữ	014304006484	1	01	14	09	100	C19	VA	6.5	SU	6.75	GD	9	22.25	2.75	25	25
269	09001388	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	21/01/2004	Nữ	008304000876	1		09	06	100	C19	VA	7.5	SU	8.75	GD	9.5	25.75	0.75	26.5	26.5
270	09004481	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	10/10/2004	Nữ	008304000084	1		09	05	100	C19	VA	6.5	SU	6.5	GD	7.5	20.5	0.75	21.25	21.25
271	09004486	PHẠM THỊ THẢO	10/05/2004	Nữ	008304006199	1		09	05	100	C00	VA	8	SU	8	DI	9	25	0.75	25.75	25.75
272	14003045	QUẢNG THU THẢO	11/01/2004	Nữ	014304001030	1	01	14	03	100	C19	VA	5.5	SU	6.25	GD	8.25	20	2.75	22.75	22.75
273	01079137	TRỊNH PHƯƠNG THẢO	17/04/2004	Nữ	001304007624	2		01	23	100	C00	VA	8	SU	8	DI	8.25	24.25	0.25	24.5	24.5
274	09001878	VŨ THANH THẢO	10/07/2004	Nữ	008304001720	1		09	01	200	C19	VA	8	SU	7.9	GD	8.6	24.5	0.75	25.25	25.25
275	09005679	LƯƠNG VIỆT THẮNG	12/08/2004	Nam	008204002788	1		09	06	100	C19	VA	5.75	SU	8.75	GD	9	23.5	0.75	24.25	24.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
276	17002696	ĐÀM VĂN THÂN	27/01/2004	Nam	022204000356	1	01	17	09	100	C19	VA	5.75	SU	7.25	GD	8.75	21.75	2.75	24.5	24.5
277	06002542	HỨA NÔNG NHẬT THIÊN	12/10/2004	Nam	004204001261	1	01	06	14	100	C19	VA	6.75	SU	5	GD	7	18.75	2.75	21.5	21.5
278	12001768	NGUYỄN HƯƠNG THIẾT	03/08/2004	Nữ	008304008224	1	01	09	02	100	C00	VA	6.5	SU	5.25	DI	6.25	18	2.75	20.75	20.75
279	14001795	ĐINH THỊ QUỲNH THƠ	17/10/2004	Nữ	014304002546	1	01	14	05	100	C00	VA	6.5	SU	6.25	DI	7	19.75	2.75	22.5	22.5
280	21004538	BÙI THỊ NGỌC THU	09/12/2004	Nữ	030304002130	2NT		21	05	100	D01	TO	7.4	VA	7.5	N1	5.4	20.3	0.5	20.8	20.8
281	16004383	CAO THỊ MINH THU	17/10/2004	Nữ	026304012329	2NT		16	04	100	C00	VA	7.25	SU	9	DI	8	24.25	0.5	24.75	24.75
282	09005474	NGUYỄN THỊ THU	31/08/2004	Nữ	008304000335	1		09	06	100	C19	VA	6.75	SU	7.25	GD	7.75	21.75	0.75	22.5	22.5
283	09002661	CHÚC THỊ THANH THỦY	23/11/2004	Nữ	008304006354	1	01	09	03	100	C19	VA	6.5	SU	6.5	GD	9	22	2.75	24.75	24.75
284	15009257	NGUYỄN THỊ THU THỦY	13/07/2004	Nữ	025304003610	1		15	10	200	C00	VA	7.7	SU	8.6	DI	8.6	24.9	0.75	25.65	25.65
285	09006706	NGUYỄN THU THỦY	11/05/2004	Nữ	008304005511	1		09	07	100	C19	VA	7.5	SU	7.25	GD	9	23.75	0.75	24.5	24.5
286	09003778	VƯƠNG THỊ THỦY	01/10/2004	Nữ	008304002626	1	01	09	04	100	C19	VA	7.75	SU	7.25	GD	8.75	23.75	2.75	26.5	26.5
287	09005684	ĐẶNG THANH THÚY	10/07/2004	Nữ	008304007492	1	01	09	06	100	C19	VA	5.75	SU	6.75	GD	8.75	21.25	2.75	24	24
288	09007108	LÊ THAO THÚY	05/05/2004	Nữ	008304002382	1		09	07	100	C19	VA	8	SU	5.5	GD	8.5	22	0.75	22.75	22.75
289	05001926	NGUYỄN THỊ THÚY	30/12/2004	Nữ	002304000171	1	01	05	04	100	C19	VA	6	SU	6.5	GD	8.75	21.25	2.75	24	24
290	14007804	HÀ ANH THƯ	05/04/2004	Nữ	014304004012	1		14	08	100	C19	VA	7.75	SU	6	GD	8.5	22.25	0.75	23	23
291	09008418	LÝ THỊ THƯ	10/09/2004	Nữ	008304008941	1	01	09	02	100	C19	VA	7	SU	8.5	GD	9.25	24.75	2.75	27.5	27.5
292	09007397	ÔN THỊ THƯ	03/09/2004	Nữ	008304008490	1	01	09	07	100	C00	VA	8.75	SU	7.75	DI	8	24.5	2.75	27.25	27.25
293	09004508	BÙI THỊ THƯƠNG	24/04/2004	Nữ	008304006914	1		09	05	100	C19	VA	7.25	SU	9	GD	8	24.25	0.75	25	25
294	11001793	HOÀNG THỊ THU THƯƠNG	29/08/2004	Nữ	006304000130	1		11	02	100	C19	VA	6.75	SU	6.25	GD	9.5	22.5	0.75	23.25	23.25
295	09002665	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	18/04/2004	Nữ	008304005542	1	01	09	03	100	C19	VA	6.25	SU	7.25	GD	9.25	22.75	2.75	25.5	25.5
296	09004510	PHẠM THỊ THƯƠNG	06/12/2004	Nữ	008304004341	1		09	05	100	C19	VA	7.5	SU	7.75	GD	8.25	23.5	0.75	24.25	24.25
297	09007399	PHAN THỊ THƯƠNG	19/10/2004	Nữ	008304005144	1	01	09	07	100	C00	VA	8.5	SU	6.75	DI	6.75	22	2.75	24.75	24.75
298	09008202	DƯƠNG THỊ THU TRÀ	12/01/2004	Nữ	008304009736	1	01	09	07	100	C19	VA	7.75	SU	7.25	GD	8.5	23.5	2.75	26.25	26.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1			Môn 2			Môn 3			Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
299	06002565	GIÁP THU TRANG	20/01/2004	Nữ	004304001171	1	01	06	14	100	C19	VA	5.5	SU	6.25	GD	7.75	19.5	2.75	22.25	22.25			
300		NGÔ THỊ TRANG	07/09/1999	Nữ	008199005358	1		09	07	500	C19	VA	6.5	SU	4.75	GD	7.5	18.75	0.75	19.5	19.5			
301	16002110	NGUYỄN LINH TRANG	11/07/2004	Nữ	026304000574	2		16	01	100	C00	VA	8	SU	7.5	DI	7.25	22.75	0.25	23	23			
302	09005493	NGUYỄN THỊ THANH TRANG	14/09/2004	Nữ	008304002352	1		09	06	100	C19	VA	5.5	SU	7.25	GD	8	20.75	0.75	21.5	21.5			
303		TRẦN KIỀU TRANG	23/12/2003	Nữ	001303030462	2		01	18	200	C19	VA	8.4	SU	7.8	GD	9.2	25.4	0.25	25.65	25.65			
304	14004726	ĐÌNH NGỌC TRÂM	23/11/2004	Nữ	014304005366	1	01	14	05	100	C19	VA	7	SU	7.5	GD	8.5	23	2.75	25.75	25.75			
305	47007299	NGUYỄN TRẦN MINH TRÂM	26/12/2004	Nữ	060304007379	2		47	01	100	C00	VA	8	SU	7.25	DI	7.25	22.5	0.25	22.75	22.75			
306	05001559	NGUYỄN THỊ VIỆT TRINH	07/03/2004	Nữ	002304007239	1		05	10	100	C00	VA	7	SU	6.75	DI	6.75	20.5	0.75	21.25	21.25			
307	09008428	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÚC	03/11/2004	Nữ	008304005787	1	01	09	02	100	C19	VA	7.5	SU	7	GD	9	23.5	2.75	26.25	26.25			
308	10005760	HOÀNG ĐỨC TRUNG	20/09/2004	Nam	020204008694	1	01	10	06	100	C19	VA	5.25	SU	6.5	GD	9	20.75	2.75	23.5	23.5			
309	09002670	HOÀNG ĐỨC TRUNG	29/08/2004	Nam	008204005925	1	01	09	03	100	C19	VA	5.25	SU	8	GD	9.5	22.75	2.75	25.5	25.5			
310	13002198	ĐÀO QUANG TRƯỜNG	05/04/2004	Nam	061177424	1		13	04	100	C00	VA	6	SU	8	DI	7.25	21.25	0.75	22	22			
311	09004562	LÝ THỊ TỎ UYÊN	19/10/2004	Nữ	008304004968	1	01	09	05	100	C19	VA	7.25	SU	5.75	GD	8.25	21.25	2.75	24	24			
312	09002520	NÔNG HỒNG UYÊN	14/05/2004	Nữ	008304006010	1	01	09	03	100	C19	VA	6.25	SU	7	GD	8.25	21.5	2.75	24.25	24.25			
313	09007434	VIÊN THỊ THU UYÊN	04/04/2004	Nữ	008304007023	1	01	09	07	100	C19	VA	8	SU	8.75	GD	8.5	25.25	2.75	28	28			
314	09007435	VƯƠNG LỆ UYÊN	27/01/2004	Nữ	008304001988	1	01	09	07	100	C00	VA	7.25	SU	7.75	DI	9	24	2.75	26.75	26.75			
315	15006653	BÙI THANH VÂN	06/06/2004	Nữ	025304009143	1		15	03	100	C19	VA	8	SU	7.75	GD	9.75	25.5	0.75	26.25	26.25			
316	09002356	HOÀNG THỊ VÂN	23/08/2004	Nữ	008304001623	1	01	09	02	100	C19	VA	6.25	SU	8	GD	8.25	22.5	2.75	25.25	25.25			
317	01056271	HỨA THỊ HUYỀN VÂN	24/08/2004	Nữ	004304007187	1	01	06	12	100	C19	VA	7.75	SU	7	GD	6.75	21.5	2.75	24.25	24.25			
318	14004758	ĐÌNH THỊ HẠ VI	28/04/2004	Nữ	014304009050	1	01	14	05	100	C00	VA	6.5	SU	6.75	DI	5.5	18.75	2.75	21.5	21.5			
319	09008449	HÚNG VĂN VŨNG	29/06/2004	Nam	008204001140	1	01	09	02	100	C00	VA	6	SU	7.25	DI	8.75	22	2.75	24.75	24.75			
320	09004577	TRIỆU THỊ YÊN	24/02/2004	Nữ	008304002463	1	01	09	05	100	C19	VA	7.5	SU	6.5	GD	8.5	22.5	2.75	25.25	25.25			
321	09001963	HOÀNG HẢI YÊN	08/08/2004	Nữ	008304007118	1		09	01	100	C19	VA	7.25	SU	8.5	GD	9.75	25.5	0.75	26.25	26.25			

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
322	14007974	LƯU THỊ HẢI YẾN	16/07/2004	Nữ	033304006949	1		14	08	100	C19	VA	6.5	SU	5.75	GD	8	20.25	0.75	21	21
323	09001464	MA THỊ HẢI YẾN	13/09/2004	Nữ	008304007567	1	01	09	03	100	C19	VA	5	SU	5.75	GD	8.5	19.25	2.75	22	22
324	01071957	NGUYỄN HẢI YẾN	08/03/2004	Nữ	001304027828	2		01	21	100	C19	VA	7.5	SU	5	GD	7.5	20	0.25	20.25	20.25
325	01093342	NGUYỄN HẢI YẾN	24/05/2004	Nữ	001304039582	2		01	29	100	C19	VA	8.25	SU	8	GD	7.75	24	0.25	24.25	24.25
326	09006809	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	23/06/2004	Nữ	008304008944	1		09	07	100	C19	VA	6.5	SU	7.75	GD	9	23.25	0.75	24	24
327	09003650	TRẦN THỊ HỒNG YẾN	19/12/2004	Nữ	008304002231	1		09	02	100	C19	VA	7.25	SU	7	GD	9	23.25	0.75	24	24
III. NGÀNH: SƯ PHẠM TOÁN HỌC																					
1	09004809	ĐINH QUỲNH ANH	28/10/2004	Nữ	008304009094	1		09	05	100	C14	TO	7.6	VA	6.75	GD	8.75	23.1	0.75	23.85	23.85
2	09005193	PHẠM TUẤN ANH	18/07/2004	Nam	008204008195	1		09	06	100	C14	TO	7.8	VA	5.5	GD	8.75	22.05	0.75	22.8	22.8
3	09000568	TRỊNH ĐỨC ANH	28/07/2004	Nam	008204009842	1		09	01	200	A00	TO	8.5	LI	8.8	HO	9.4	26.7	0.75	27.45	27.45
4	01069989	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	11/08/2004	Nữ	008304006283	1	01	09	03	100	C14	TO	5.2	VA	5.5	GD	7.25	17.95	2.75	20.7	20.7
5	09002726	ĐÀO THỊ LINH CHI	03/12/2004	Nữ	008304001521	1		09	04	100	A00	TO	7.4	LI	6.25	HO	5.75	19.4	0.75	20.15	20.15
6	09000045	HOÀNG VĂN DƯƠNG	07/02/2004	Nam	008204000791	1	01	09	05	100	A00	TO	8.2	LI	6.5	HO	6.5	21.2	2.75	23.95	23.95
7	09006345	BÙI NGỌC HÂN	19/07/2004	Nam	008204000277	1		09	07	100	A00	TO	7.8	LI	7	HO	8.75	23.55	0.75	24.3	24.3
8	05001831	QUAN QUỲNH HIẾU	27/10/2004	Nữ	008304004813	1	01	05	04	100	C14	TO	6.8	VA	6	GD	8	20.8	2.75	23.55	23.55
9	09001628	PHAN PHÚC HOÀNG	01/08/2002	Nam	008202000442	1		09	01	200	A00	TO	8	LI	8.8	HO	8.4	25.2	0.75	25.95	25.95
10	38000796	TRẦN THỊ HUỆ	22/02/2004	Nữ	035304003361	1		38	01	100	A00	TO	6.6	LI	5.75	HO	7.25	19.6	0.75	20.35	20.35
11	09004929	LÊ MẠNH HÙNG	20/07/2004	Nam	008204006960	1	01	09	05	100	C14	TO	6.2	VA	5.75	GD	9	20.95	2.75	23.7	23.7
12	09004354	HOÀNG MAI LINH	19/02/2004	Nữ	008304000242	1		09	05	200	C14	VA	7.9	TO	8.7	GD	9.3	25.9	0.75	26.65	26.65
13	13000650	NGUYỄN NHẬT LINH	24/10/2004	Nữ	015304001470	1		13	10	100	C14	TO	7.8	VA	8.5	GD	8.5	24.8	0.75	25.55	25.55
14	09002935	PHÙNG KHÁNH LOAN	15/01/2004	Nữ	008304001499	1	01	09	04	100	C14	TO	7.4	VA	8.75	GD	9	25.15	2.75	27.9	27.9
15	09004381	PHẠM THỊ CẨM LY	29/05/2003	Nữ	008303009412	1		09	05	100	C14	TO	7.8	VA	7.75	GD	9.25	24.8	0.75	25.55	25.55
16	09002602	HÀ THỊ NGỌC MAI	22/03/2004	Nữ	008304008808	1	01	09	03	200	A00	TO	8.7	LI	7.7	HO	8.4	24.8	2.75	27.55	27.55

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
17		PHẠM ĐỨC MẠNH	15/11/2003	Nam	002203002693	1		09	01	500	C14	VA	6.25	TO	7.2	GD	9	22.45	0.75	23.2	23.2
18	12004227	VŨ ĐỨC MẠNH	02/02/2004	Nam	019204004692	1		12	06	100	A01	TO	8.2	LI	8	N1	5.8	22	0.75	22.75	22.75
19	09001771	TRẦN HẢI NAM	25/02/2004	Nam	008204006373	1		09	01	100	A00	TO	7.8	LI	5.5	HO	7.25	20.55	0.75	21.3	21.3
20	09003554	MA THỊ NGÀ	05/01/2004	Nữ	008304001565	1	01	09	02	100	C14	TO	4.6	VA	6.5	GD	8.75	19.85	2.75	22.6	22.6
21	09002615	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT	23/11/2004	Nữ	008304009028	1	01	09	03	100	C14	TO	7	VA	7.5	GD	8.75	23.25	2.75	26	26
22	13005301	TRẦN THỊ NGỌC	08/07/2004	Nữ	015304000750	1		13	03	100	A00	TO	8	LI	7.5	HO	8	23.5	0.75	24.25	24.25
23	05004168	LÒ THỊ NHUNG	21/09/2004	Nữ	002304000372	1	01	05	03	100	C14	TO	8.4	VA	4.75	GD	9.25	22.4	2.75	25.15	25.15
24	17012880	TRẦN VĨNH PHONG	15/06/2004	Nam	022204008544	2		17	03	100	C14	TO	6.2	VA	7	GD	9	22.2	0.25	22.45	22.45
25	09007429	HOÀNG THỊ TUYẾN	05/01/2004	Nữ	008304006297	1	01	09	07	100	A00	TO	7.8	LI	8.25	HO	7.75	23.8	2.75	26.55	26.55
26	09000172	HÀ PHƯƠNG THẢO	20/11/2004	Nữ	008304000929	1	01	09	04	100	C14	TO	7	VA	7.5	GD	9	23.5	2.75	26.25	26.25
27	09001393	PHẠM HỒNG THẨM	26/09/2004	Nữ	033304012343	1		09	01	100	A00	TO	8.6	LI	7.25	HO	7.25	23.1	0.75	23.85	23.85
28	09005898	NGUYỄN ANH THƯ	03/02/2004	Nữ	008304005381	1		09	06	100	C14	TO	7.4	VA	7.5	GD	9.5	24.4	0.75	25.15	25.15
29	15005976	ĐINH THỊ TRANG	30/01/2004	Nữ	025304003815	1		15	03	100	C14	TO	7	VA	8.25	GD	8.5	23.75	0.75	24.5	24.5
30	09002666	HOÀNG THỊ KIỀU TRANG	13/12/2004	Nữ	008304000316	1	01	09	03	100	C14	TO	4.6	VA	6.5	GD	8.25	19.35	2.75	22.1	22.1
31	09003177	NGUYỄN LÊ BẢO YẾN	21/07/2004	Nữ	008304001520	1		09	04	100	A00	TO	8.8	LI	8	HO	7.75	24.55	0.75	25.3	25.3
IV. NGÀNH: SƯ PHẠM SINH HỌC																					
1	09004856	NGUYỄN BÙI NGỌC DIỆP	29/07/2004	Nữ	008304006610	1		09	05	200	B00	TO	8	HO	8.9	SI	8.1	25	0.75	25.75	25.75
2	09000682	NGUYỄN NGỌC HÀ	18/06/2004	Nữ	008304006621	1		09	01	100	B00	TO	6.4	HO	7.75	SI	7.25	21.4	0.75	22.15	22.15
3	09005161	LÊ HỒNG TƯƠI	06/03/2004	Nữ	008304008907	1		09	05	200	B00	TO	8	HO	8.2	SI	8.3	24.5	0.75	25.25	25.25
V. NGÀNH: QUẢN LÝ VĂN HÓA																					
1	09002391	ĐẶNG XUÂN ĐƯỜNG	14/01/2004	Nam	008204004388	1	01	09	03	100	C19	VA	7	SU	8	GD	7.75	22.75	2.75	25.5	25.5
2	09004661	NINH XUÂN HUỖNH	25/01/2004	Nam	008204002610	1	01	09	05	100	C19	VA	6	SU	8.75	GD	9	23.75	2.75	26.5	26.5
3	09004995	NGUYỄN DIỆU LINH	31/01/2004	Nữ	008304005892	1	01	09	05	100	C00	VA	8.75	SU	8	DI	7.25	24	2.75	26.75	26.75

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
4	14004575	LÝ ĐỨC MẠNH	05/06/2003	Nam	014203005196	1	01	14	05	200	C00	VA	6	SU	6.3	DI	7.9	20.2	2.75	22.95	22.95
VI. NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC																					
1	14006735	LƯƠNG TUẤN ANH	10/12/2003	Nam	014203000129	1	01	14	07	100	C00	VA	6.25	SU	9.75	DI	8.5	24.5	2.75	27.25	27.25
VII. NGÀNH: KẾ TOÁN																					
1	09000531	BÙI VĂN ANH	02/02/2004	Nữ	008304002115	1		09	01	200	D01	TO	7.6	VA	7.3	ANH	7.4	22.3	0.75	23.05	23.05
2	27002006	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	29/06/2004	Nữ	008304002674	2NT		27	04	200	A00	TO	7.7	LI	8.4	HO	8.5	24.6	0.5	25.1	25.1
3	09005196	TRẦN NGỌC ANH	15/11/2004	Nữ	008304000325	1		09	06	200	D01	TO	6.9	VA	6.7	ANH	7.5	21.1	0.75	21.85	21.85
4	09001520	TIÊU QUỲNH CHI	26/03/2004	Nữ	008304000573	1	01	09	01	200	D01	TO	6.5	VA	8	ANH	6.1	20.6	2.75	23.35	23.35
5	05004985	VŨ HUỆ CHI	19/02/2004	Nữ	002304001060	1		05	06	200	A00	TO	7	LI	8.2	HO	7.7	22.9	0.75	23.65	23.65
6	09002752	NGUYỄN MINH ĐIỂM	16/04/2004	Nữ	008304001515	1	01	09	04	200	D01	TO	8.5	VA	8.4	ANH	8.3	25.2	2.75	27.95	27.95
7	09005284	NGUYỄN THỊ THANH HẢO	10/09/2004	Nữ	008304001902	1		09	06	200	D01	TO	7.3	VA	7.8	ANH	6.9	22	0.75	22.75	22.75
8	09005285	NGUYỄN THU HẢO	09/12/2004	Nữ	008304000281	1		09	06	200	A01	TO	6.4	LI	6.6	ANH	7	20	0.75	20.75	20.75
9		NGUYỄN LÂM HIỆP	24/08/2003	Nam	002203000202	1		05	10	200	A01	TO	5.6	LI	6.3	ANH	7.9	19.8	0.75	20.55	20.55
10	09002825	HÀ TRUNG HIẾU	28/11/2004	Nam	008204001102	1	01	09	04	100	D01	TO	5.8	VA	7.25	N1	4.4	17.45	2.75	20.2	20.2
11	05001130	HOÀNG THỊ HUYỀN	14/11/2004	Nữ	002304002528	1		05	10	200	A00	TO	6	LI	6.6	HO	7	19.6	0.75	20.35	20.35
12	15006191	PHẠM THỊ HƯỜNG	23/09/2004	Nữ	025304012949	1		15	03	100	D01	TO	6	VA	8	N1	4.2	18.2	0.75	18.95	18.95
13		NGUYỄN THÚY LIÊN	28/08/2002	Nữ	008302000733	1		09	06	200	A01	TO	6.4	LI	7.4	ANH	7	20.8	0.75	21.55	21.55
14	09005803	ĐẶNG THỊ MỸ LINH	20/10/2004	Nữ	008304003310	1		09	06	200	A00	TO	7.7	LI	8.7	HO	7.2	23.6	0.75	24.35	24.35
15	09000827	TRƯƠNG THỦY LINH	05/05/2004	Nữ	008304002303	1		09	01	200	D01	TO	6.1	VA	6.7	ANH	6.1	18.9	0.75	19.65	19.65
16	09001306	ĐOÀN THỊ KHÁNH LY	11/03/2004	Nữ	015304009196	1		13	01	200	A00	TO	6.2	LI	7.5	HO	7.5	21.2	0.75	21.95	21.95
17	09000849	LÊ NGỌC MAI	22/03/2004	Nữ	008304002613	1		09	01	200	D01	TO	5.9	VA	7	ANH	5.3	18.2	0.75	18.95	18.95
18	09005386	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	15/03/2004	Nữ	008304000320	1		09	06	200	A01	TO	6.3	LI	7.2	ANH	7.4	20.9	0.75	21.65	21.65
19	09001352	LÂM KIỀU OANH	05/01/2004	Nữ	008304000706	1		09	01	200	A00	TO	7.3	LI	7.5	HO	7.5	22.3	0.75	23.05	23.05

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
20	09001359	PHÙNG HIẾU PHƯƠNG	30/04/2004	Nữ	008304000778	1		09	01	100	D01	TO	6	VA	8.5	N1	4.4	18.9	0.75	19.65	19.65
21		NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	11/12/2001	Nữ	008301002658	1		09	06	200	D01	TO	6.3	LI	5.2	HO	5.7	17.2	0.75	17.95	17.95
22	09005087	TƯỚNG THỊ SON	15/06/2004	Nữ	008304006611	1	01	09	05	100	D01	TO	6.4	VA	7	N1	5	18.4	2.75	21.15	21.15
23		NGUYỄN THỊ THU THẢO	13/08/2001	Nữ	008301000873	1		09	01	200	A00	TO	7.5	LI	7.5	HO	7.7	22.7	0.75	23.45	23.45
24	09001411	TRẦN THU TRÀ	01/02/2004	Nữ	008304000846	1		09	06	200	A00	TO	5.4	LI	8	HO	7.3	20.7	0.75	21.45	21.45
25	09001008	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG	13/10/2004	Nữ	008304003215	1	01	09	01	200	D01	TO	6	VA	6.6	ANH	6.5	19.1	2.75	21.85	21.85
VIII. NGÀNH: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN																					
1	09000039	NGUYỄN TIẾN DŨNG	28/03/2004	Nam	008204000799	1	01	09	06	200	B00	TO	6.6	HO	6.1	SI	6.9	19.6	2.75	22.35	22.35
2	09008301	CHÂU TIẾN DUYỆT	05/06/1999	Nam	008099000370	1		09	02	200	B00	TO	6.2	HO	5.9	SI	6.7	18.8	0.75	19.55	19.55
3	05004087	LÒ VĂN ĐỨC	23/05/2004	Nam	002204004328	1	01	05	03	200	A00	TO	5.8	LI	6.8	HO	7	19.6	2.75	22.35	22.35
4	09000679	ĐỖ TRỌNG GIÁP	15/04/2004	Nam	008204001803	1		09	06	200	B00	TO	7.5	HO	7.2	SI	8.5	23.2	0.75	23.95	23.95
5		AN MỸ HẠNH	08/08/2003	Nữ	008303003078	1		09	07	200	A00	TO	5.8	LI	5.7	HO	6.1	17.6	0.75	18.35	18.35
6	09001602	BÙI TIẾN HIỆP	31/08/2004	Nam	034204008810	1		26	04	200	A00	TO	8	LI	8	HO	6.6	22.6	0.75	23.35	23.35
7		VI MINH HIẾU	15/08/2000	Nam	008200004035	1	01	09	06	200	A00	TO	6.4	LI	6.5	HO	6.6	19.5	2.75	22.25	22.25
8	05001997	TRÁNG THỊ HOÀN	15/09/2004	Nữ	002304009099	1	01	05	08	200	A00	TO	6.7	LI	7.2	HO	7.9	21.8	2.75	24.55	24.55
9	09000724	THÙNG VIỆT HOÀN	04/08/2004	Nam	008204001575	1		09	01	200	B00	TO	8	HO	7.9	SI	8.8	24.7	0.75	25.45	25.45
10		ĐINH VIỆT HOÀNG	22/12/2002	Nam	008202000403	1		09	06	200	A00	TO	7.4	LI	7.4	HO	6.7	21.5	0.75	22.25	22.25
11		TRIỆU VIỆT HOÀNG	05/11/2003	Nam	008203006134	1	01	09	06	200	A00	TO	6.8	LI	7.2	HO	8.3	22.3	2.75	25.05	25.05
12	09005310	DƯƠNG TUẤN HUY	17/11/2004	Nam	008204004510	1		09	01	200	A00	TO	5.1	LI	6	HO	7.5	18.6	0.75	19.35	19.35
13	09005321	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	23/09/2004	Nữ	008304005955	1		09	06	200	D07	TO	6.5	HO	6.9	ANH	8.3	21.7	0.75	22.45	22.45
14	09000787	LƯU THẾ KIẾN	21/10/2004	Nam	008204006254	1		09	01	200	B00	TO	7.3	HO	7.2	SI	7.7	22.2	0.75	22.95	22.95
15	09000775	BÙI ĐỨC KHẢI	06/01/2004	Nam	008204009832	1		09	06	200	B00	TO	6.7	HO	6.5	SI	7.7	20.9	0.75	21.65	21.65
16	09002892	NÔNG VĨNH KHẢI	31/03/2004	Nam	008204001953	1	01	09	04	200	D07	TO	5.2	HO	5.7	ANH	6.6	17.5	2.75	20.25	20.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
17	09008036	LƯƠNG HẢI LONG	02/10/2004	Nam	008204002381	1		09	07	200	B00	TO	7	HO	7.3	SI	8	22.3	0.75	23.05	23.05
18	09000835	PHẠM THÀNH LONG	24/09/2004	Nam	008204001750	1		09	06	200	A01	TO	8	LI	7	ANH	8.2	23.2	0.75	23.95	23.95
19	09002600	VƯƠNG CÁT LƯỢNG	12/12/2004	Nam	008204008396	1	01	09	03	200	A00	TO	6.3	LI	6.7	HO	5.9	18.9	2.75	21.65	21.65
20	09000139	ĐỒNG HOÀNG NAM	19/08/2004	Nam	008204000797	1		09	02	200	A00	TO	6.8	LI	-8	HO	7.1	21.9	0.75	22.65	22.65
21	09007353	TÔ HỮU PHI	28/03/2004	Nam	008204001687	1	01	09	07	200	A00	TO	8	LI	7.6	HO	7.9	23.5	2.75	26.25	26.25
22	09005445	ĐẶNG NGỌC QUYÊN	15/11/2003	Nam	008203008338	1		09	06	200	D07	TO	6.8	HO	5.3	ANH	6.9	19	0.75	19.75	19.75
23	09001375	TRỊNH BẢO SƠN	23/10/2004	Nam	008204001404	1		09	01	200	A00	TO	6.7	LI	8.1	HO	7.7	22.5	0.75	23.25	23.25
24	09005508	NGUYỄN ANH TUẤN	03/02/2003	Nam	008203003520	1		09	06	200	B00	TO	5.6	HO	5.6	SI	6.6	17.8	0.75	18.55	18.55
25	09007377	HOÀNG VĂN THÁI	07/05/2004	Nam	008204001688	1	01	09	07	200	A00	TO	6.5	LI	6.8	HO	6.5	19.8	2.75	22.55	22.55
26	09000976	TĂNG BÁ THÀNH	11/02/2004	Nam	008204006714	1		09	01	200	B00	TO	5.4	HO	6.5	SI	7.2	19.1	0.75	19.85	19.85
27	09005464	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	13/09/2003	Nữ	008303003947	1		09	06	200	B00	TO	5.6	HO	6.2	SI	6.8	18.6	0.75	19.35	19.35
28	05005193	TRẦN THỊ THUẬN	25/08/2004	Nữ	034304009766	1		05	06	200	A00	TO	7.1	LI	7.4	HO	7.2	21.7	0.75	22.45	22.45
29		LY VĂN THỨC	28/08/2001	Nam	002201006948	1	01	05	02	200	A00	TO	7	LI	7.2	HO	7.4	21.6	2.75	24.35	24.35
30	09001022	NGUYỄN THÀNH TRUNG	04/06/2004	Nam	008204007217	1		09	01	200	D07	TO	7.4	HO	7	ANH	6.3	20.7	0.75	21.45	21.45
31	09005144	PHAN BÁCH TRƯỜNG	23/09/2004	Nam	008204002720	1		09	05	200	A00	TO	6.2	LI	7.1	HO	7.4	20.7	0.75	21.45	21.45
32	09003162	BÙI HÀ QUỐC VIỆT	24/09/2004	Nam	008204004305	1		09	04	200	A01	TO	6	LI	5.6	ANH	4.8	16.4	0.75	17.15	17.15
33	09003163	MA HOÀNG QUỐC VIỆT	13/10/2004	Nam	008204001217	1	01	09	04	200	B00	TO	6.9	HO	6.6	SI	6.4	19.9	2.75	22.65	22.65
34	09005528	NGUYỄN QUỐC VIỆT	01/06/2004	Nam	008204000223	1		09	06	200	B00	TO	5.4	HO	6.4	SI	6.5	18.3	0.75	19.05	19.05
IV. NGÀNH: CHĂN NUÔI																					
1	09007234	HOÀNG THỊ THU HÀ	30/03/2004	Nữ	008304005616	1	01	09	07	200	A00	TO	6.5	LI	6.7	HO	6.8	20	2.75	22.75	22.75
2	09004095	HOÀNG THANH TÙNG	27/10/2004	Nam	008204008808	1	01	09	04	200	B00	TO	7.3	HO	7.1	SI	7.6	22	2.75	24.75	24.75
3	09005120	TƯỚNG VĂN THỰC	20/08/2004	Nam	008204009293	1	01	09	05	200	A00	TO	6.4	LI	6.9	HO	7.1	20.4	2.75	23.15	23.15
X. NGÀNH: KHOA HỌC CÂY TRỒNG																					

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
1	09005767	TRẦN CÔNG HIẾU	20/04/2004	Nam	008204003094	1		09	06	200	B00	TO	6.4	HO	7	SI	6.3	19.7	0.75	20.45	20.45
2	09002689	PHÙNG QUANG VINH	12/09/2004	Nam	006204003173	1	01	09	03	200	A00	TO	6.1	LI	6.7	HO	6.4	19.2	2.75	21.95	21.95
XI. NGÀNH: LÂM SINH																					
1		LÔ HÙNG ANH	01/07/2001	Nam	014201002212	1	01	14	04	200	C13	VA	6.7	SI	7.1	DI	7.3	21.1	2.75	23.85	23.85
XII. NGÀNH: DƯỢC HỌC																					
1	10006617	ĐÀO THỊ MAI ANH	06/07/2004	Nữ	020304007211	1		10	05	200	B00	TO	8.3	HO	8.7	SI	8.1	25.1	0.75	25.85	25.85
2	09004821	TRẦN THỊ VÂN ANH	31/08/2004	Nữ	008304008007	1		09	05	200	B00	TO	8.2	HO	8.3	SI	8	24.5	0.75	25.25	25.25
3	09002749	LÊ NGỌC DÂN	15/09/2002	Nam	008202000311	1		09	04	100	B00	TO	7.4	HO	7	SI	6.25	20.65	0.75	21.4	21.4
4	09000675	NGUYỄN HOÀNG GIANG	08/01/2004	Nam	008204002363	1		09	01	100	A00	TO	8.2	LI	7.25	HO	7.25	22.7	0.75	23.45	23.45
5	09004893	NGUYỄN KIM NGỌC HÀ	28/11/2004	Nữ	008304002931	1		09	05	200	B00	TO	8.1	HO	7.1	SI	8	23.2	0.75	23.95	23.95
6	09001583	NGUYỄN NGUYỆT HÀ	07/10/2004	Nữ	008304008885	1		09	01	200	A00	TO	8	LI	8	HO	8	24	0.75	24.75	24.75
7	02058041	ĐÀO THỊ HUYỀN	04/12/2004	Nữ	026304012332	3		16	05	100	B00	TO	6.8	HO	8.75	SI	6.5	22.05	0	22.05	22.05
8	09002581	TRIỆU THỊ HUYỀN	28/07/2004	Nữ	008304007735	1	01	09	03	200	B00	TO	8.1	HO	8.3	SI	8.1	24.5	2.75	27.25	27.25
9	09004488	BÙI XUÂN THẮNG	21/07/2004	Nam	008204007253	1		09	05	100	A00	TO	7.8	LI	6.75	HO	5.75	20.3	0.75	21.05	21.05
XIII. NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG																					
1	09001092	NGUYỄN THỊ THÚY ANH	17/10/2004	Nữ	008304000784	1		09	01	200	C08	VA	6.8	HO	7.6	SI	6.9	21.3	0.75	22.05	22.05
2	09005199	VŨ MINH ANH	20/11/2004	Nữ	008304003370	1		09	07	200	D07	TO	7.1	HO	9.1	ANH	7	23.2	0.75	23.95	23.95
3	09001998	ĐINH NGỌC ANH BĂNG	16/07/2004	Nam	008204005543	1		09	01	200	B00	TO	6.5	HO	7.3	SI	7	20.8	0.75	21.55	21.55
4		CHÂU THỊ DIỄN	12/10/2001	Nữ	071082312	1	01	09	02	200	B00	TO	8.3	HO	8.8	SI	8.1	25.2	2.75	27.95	27.95
5	09002388	LA THÀNH ĐẠT	18/10/2004	Nam	008204006406	1	01	09	03	100	B00	TO	7.6	HO	8	SI	7	22.6	2.75	25.35	25.35
6	09005261	PHẠM THANH ĐỨC	02/05/2004	Nam	008204000217	1		09	06	200	B03	TO	6.5	VA	6	SI	6.5	19	0.75	19.75	19.75
7	09001175	HOÀNG NGỌC HẢI	26/09/2004	Nam	008204000686	1	06	09	01	200	B00	TO	7.3	HO	7.3	SI	7.6	22.2	1.75	23.95	23.95
8	09005276	NGUYỄN ĐỨC HẢI	20/08/2004	Nam	008204000258	1		09	06	200	B00	TO	6.5	HO	6.5	SI	7.3	20.3	0.75	21.05	21.05

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
9	09005278	PHÙNG SƠN HẢI	07/09/2004	Nam	002204002774	1		09	05	100	B00	TO	7.8	HO	8	SI	5.5	21.3	0.75	22.05	22.05
10	09001594	NGUYỄN THÚY HẰNG	21/09/2004	Nữ	008304000605	1		09	01	200	C08	VA	7.4	HO	6.5	SI	6.9	20.8	0.75	21.55	21.55
11	09005293	NGUYỄN THANH HIỀN	17/06/2004	Nữ	008304000272	1		09	06	200	C08	VA	7.1	HO	6.8	SI	7.5	21.4	0.75	22.15	22.15
12	09004632	VƯƠNG THỊ HIỀN	12/12/2004	Nữ	008304002863	1	01	09	05	200	B03	TO	6.8	VA	7.4	SI	6.9	21.1	2.75	23.85	23.85
13		LÒ VĂN HIẾU	04/06/2003	Nam	011203002015	1	01	62	04	200	B00	TO	8.3	HO	7.7	SI	7.1	23.1	2.75	25.85	25.85
14	09003998	TRẦN THỊ THANH HOA	01/01/2004	Nữ	008304002701	1		09	04	200	B00	TO	6.8	HO	6.9	SI	6.9	20.6	0.75	21.35	21.35
15	09001639	PHƯƠNG THỊ THU HUỆ	13/08/2004	Nữ	008304005594	1	01	09	01	200	C08	VA	7.7	HO	6.6	SI	6.4	20.7	2.75	23.45	23.45
16	09004953	PHẠM THỊ HUYỀN	17/08/2004	Nữ	008304001954	1		09	05	200	C08	VA	6.7	HO	7.4	SI	7.7	21.8	0.75	22.55	22.55
17	09001254	ĐOÀN MAI HƯƠNG	09/11/2004	Nữ	008304001668	1		09	01	200	C08	VA	7.2	HO	6.8	SI	8.1	22.1	0.75	22.85	22.85
18	09006029	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	13/09/2004	Nữ	008304005316	1		09	01	200	C08	VA	7.6	HO	6.2	SI	6.4	20.2	0.75	20.95	20.95
19	09004957	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	05/12/2004	Nữ	008304004443	1		09	05	200	C08	VA	5.9	HO	7.9	SI	7.4	21.2	0.75	21.95	21.95
20	09001277	TRỊNH XUÂN KỶ	12/03/2004	Nam	008204000738	1		09	01	200	C08	VA	6.8	HO	7.3	SI	8.1	22.2	0.75	22.95	22.95
21		PHÙNG NGỌC LANH	09/07/2002	Nữ	004302006659	1	01	06	11	200	B03	TO	6.6	VA	6.6	SI	6.8	20	2.75	22.75	22.75
22	09001294	TRẦN KHÁNH LINH	15/08/2004	Nữ	008304001664	1		09	01	200	C08	VA	7.6	HO	7.9	SI	7.8	23.3	0.75	24.05	24.05
23	09001730	TRẦN DIỆU LOAN	12/05/2004	Nữ	008304002182	1		09	06	200	C08	VA	8	HO	7.3	SI	7.6	22.9	0.75	23.65	23.65
24	09004379	HOÀNG LƯU LY	13/02/2004	Nữ	008304007084	1	01	09	05	200	C08	VA	7.2	HO	7.3	SI	7.4	21.9	2.75	24.65	24.65
25	09001311	VŨ KHÁNH LY	13/09/2004	Nữ	008304000867	1		09	01	200	B00	TO	6.2	HO	7.9	SI	8.3	22.4	0.75	23.15	23.15
26	09001317	VŨ THỊ NGỌC MAI	04/11/2004	Nữ	030304011888	1		09	01	200	C08	VA	7.1	HO	7.4	SI	7.7	22.2	0.75	22.95	22.95
27	09005407	HÀ KIM NGÂN	28/04/2004	Nữ	008304001822	1		09	06	200	B00	TO	7.4	HO	7.1	SI	7.3	21.8	0.75	22.55	22.55
28	09001344	NÔNG MINH NGUYỆT	22/03/2004	Nữ	008304001647	1	01	09	01	200	B00	TO	7.1	HO	6.8	SI	7.9	21.8	2.75	24.55	24.55
29	09005427	ĐÀO THỊ OANH	01/09/2004	Nữ	008304000286	1		09	06	200	B03	TO	8	VA	7.7	SI	8.1	23.8	0.75	24.55	24.55
30	09001357	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	18/05/2003	Nữ	008303008945	1		09	01	200	B00	TO	6.8	HO	7.6	SI	7.4	21.8	0.75	22.55	22.55
31	09005663	VŨ NHƯ QUỲNH	02/02/2004	Nữ	008304002988	1	01	09	06	200	B00	TO	6.8	HO	6.6	SI	7.2	20.6	2.75	23.35	23.35

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
32	09007611	DƯƠNG THỊ YẾN TÂM	21/01/2004	Nữ	008304003199	1		09	07	200	B00	TO	6.7	HO	7.4	SI	7	21.1	0.75	21.85	21.85
33	09001036	PHẠM MINH TUẤN	14/12/2004	Nam	008204002373	1		09	01	200	B03	TO	5.8	VA	6.1	SI	7.7	19.6	0.75	20.35	20.35
34	09001380	LỘC THỊ LỆ THANH	13/10/2004	Nữ	008304000864	1	01	09	06	200	B00	TO	7.3	HO	8.2	SI	7.7	23.2	2.75	25.95	25.95
35	09005096	HÀ MINH THÀNH	04/07/2004	Nam	008204001619	1		09	05	200	D07	TO	8.2	HO	5.3	ANH	6.9	20.4	0.75	21.15	21.15
36	09005676	ĐÌNH PHƯƠNG THẢO	18/03/2004	Nữ	008304006739	1		09	06	200	B00	TO	6.6	HO	6.2	SI	6.7	19.5	0.75	20.25	20.25
37	09005461	LƯƠNG PHƯƠNG THẢO	16/09/2004	Nữ	008304000339	1		09	06	200	B00	TO	6.7	HO	7.1	SI	7.5	21.3	0.75	22.05	22.05
38	09005114	LÊ HỒNG THU	27/09/2004	Nữ	008304006351	1	01	09	05	200	B00	TO	7.4	HO	8.4	SI	7.9	23.7	2.75	26.45	26.45
39	09003781	QUAN THỊ HỒNG THƯƠNG	01/01/2004	Nữ	008304002176	1	01	09	04	200	B03	TO	6	VA	7.3	SI	7.2	20.5	2.75	23.25	23.25
40		TRẦN THỊ THU TRÀ	14/07/2003	Nữ	071113972	1		09	05	200	C08	VA	7.2	HO	7	SI	7.7	21.9	0.75	22.65	22.65
41	09002262	TRẦN KIỀU TRANG	30/10/2003	Nữ	008303007410	1	01	09	01	200	C08	VA	7.4	HO	8.5	SI	7.5	23.4	2.75	26.15	26.15
42	09005523	ĐÌNH PHƯƠNG UYÊN	13/12/2004	Nữ	002304002603	1		05	01	200	B00	TO	7.9	HO	7.5	SI	8	23.4	0.75	24.15	24.15
43	09003172	NGUYỄN THỊ HÀ XUÂN	15/04/2004	Nữ	008304001341	1		09	04	200	C08	VA	7.6	HO	7	SI	8	22.6	0.75	23.35	23.35
XIV. NGÀNH: CÔNG TÁC XÃ HỘI																					
1	05002015	PHẠM THỊ HƯỜNG	10/08/1992	Nữ	008192006545	1	01	09	05	100	C00	VA	5.5	SU	5.25	DI	6.75	17.5	2.75	20.25	20.25
2	30009769	NGÔ THỊ HOÀI PHƯỚC	03/11/2004	Nữ	042304005446	2NT		30	18	100	C19	VA	7.75	SU	8.75	GD	9.75	26.25	0.5	26.75	26.75
XV. NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH																					
1	13002236	PHẠM TRƯỜNG AN	16/09/2004	Nam	015204006897	1		13	04	100	C19	VA	7.25	SU	7.25	GD	8.5	23	0.75	23.75	23.75
2	09000533	ĐÀO LƯƠNG ANH	16/07/2004	Nam	008204006245	1	01	09	01	100	C00	VA	5.5	SU	7	DI	5.25	17.75	2.75	20.5	20.5
3	09001093	PHẠM PHƯƠNG ANH	16/09/2004	Nữ	008304000768	1		09	01	200	C20	VA	6.6	DI	7.4	GD	8.1	22.1	0.75	22.85	22.85
4	09007229	NÔNG THỊ THÙY GIANG	06/03/2004	Nữ	008304006989	1	01	09	07	100	C20	VA	8	DI	6.75	GD	7.5	22.25	2.75	25	25
5	09004897	PHẠM HỒNG HẢI	16/12/2004	Nữ	008304000630	1	01	09	05	200	C20	VA	6.6	DI	7.5	GD	8.4	22.5	2.75	25.25	25.25
6	09005334	TRẦN CAO KHẢI	31/05/2004	Nam	008204001554	1	01	09	01	100	C19	VA	3.75	SU	6.25	GD	8	18	2.75	20.75	20.75
7	09004687	CÔNG THỊ DIỆU LINH	05/09/2004	Nữ	008304002876	1	01	09	05	100	C00	VA	7.5	SU	8.5	DI	6.75	22.75	2.75	25.5	25.5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Mã tỉnh	Mã quận huyện	Mã PTXT	Mã THM	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT (Thang 30)	Điểm UT	Tổng điểm có UT (Thang 30)	Điểm trúng tuyển
8	09005626	NGUYỄN HÀ BẢO LINH	05/08/2004	Nữ	008304004432	1	01	09	06	100	C00	VA	7	SU	8.5	DI	7.5	23	2.75	25.75	25.75
9	09000829	TRẦN DIỆU LOAN	03/02/2004	Nữ	008304008811	1		09	06	200	C20	VA	7.7	DI	7	GD	8.1	22.8	0.75	23.55	23.55
10	09006099	NGUYỄN NGỌC NHẬT	06/02/2004	Nam	008204001805	1		09	06	100	C19	VA	7	SU	7	GD	7.5	21.5	0.75	22.25	22.25
11	09008373	MỤ THỊ KIM OANH	11/11/2004	Nữ	008304006997	1	01	09	02	100	C00	VA	7	SU	8.5	DI	7.5	23	2.75	25.75	25.75
12	15011847	NGUYỄN PHÚ QUANG	11/11/2004	Nam	132506708	1		15	04	100	C00	VA	5	SU	7.75	DI	6.25	19	0.75	19.75	19.75
13	09000180	NGÔ VĂN THẮNG	23/12/2004	Nam	008204000784	1	01	09	03	100	C19	VA	6.5	SU	7.5	GD	7.75	21.75	2.75	24.5	24.5
14	09005145	TRẦN HUY TRƯỜNG	07/02/2004	Nam	008204001622	1		09	05	100	C20	VA	5.75	DI	6	GD	8	19.75	0.75	20.5	20.5
15		HÒA THỊ THU VIÊN	07/12/2003	Nữ	008303003157	1	01	09	02	200	C00	VA	6.8	SU	7.1	DI	7.3	21.2	2.75	23.95	23.95
XI. NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI																					
1	09001321	TRẦN ĐỨC MẠNH	13/02/2004	Nam	008204006217	1		09	01	200	A00	TO	5.3	LI	7.7	HO	7.4	20.4	0.75	21.15	21.15
2	09007142	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG	30/07/2004	Nam	008204006457	1	01	09	07	200	A01	TO	6.8	LI	6.3	ANH	6.2	19.3	2.75	22.05	22.05

(Ấn định danh sách này là: 545 thí sinh)